

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0101449271 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06/02/2004, cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 21/01/2013)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 21 /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19 tháng 03 năm 2014)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương từ ngày / /2014

Địa chỉ: Số 1 Phố Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 84-(4) 3852 32 94 Fax: 84-(4) 3852 79 96

Website: <http://www.vinaseed.com.vn/>

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Phạm Ngọc Lý

Số điện thoại: (84-4) 3852 3294

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0101449271 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06/02/2004, cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 21/01/2013)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Giá bán:

- Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu: 65.000 đồng/cổ phần
- Giá chào bán cho CBCNV: 10.000 đồng/cổ phần

Tổng số lượng chào bán: 5.275.389 cổ phiếu

Trong đó:

- Số lượng chào bán cho cổ đông hiện hữu: 5.014.919 cổ phần
- Số lượng chào bán cho CBCNV: 250.243 cổ phần
- Bán cổ phiếu quỹ đã mua lại từ cổ phiếu ESOP năm 2009, 2010, 2011 của 4 cán bộ nghỉ việc năm 2013 cho cán bộ công nhân viên: 10.227 cổ phần

Tổng giá trị chào bán: 52.753.890.000 đồng (theo mệnh giá)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Tên công ty: CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Trụ sở: Tầng 12A, tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6288 3568 Fax: (84-4) 6288 5678

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHÚNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Trụ sở chính: 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3556 2875 Fax: (84.4) 3556 2874

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1.	Rủi ro kinh tế	6
2.	Rủi ro luật pháp.....	6
3.	Rủi ro đặc thù.....	6
4.	Rủi ro của đợt chào bán và của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.....	8
5.	Rủi ro pha loãng.....	8
6.	Rủi ro khác	9
I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	10
1.	Tổ chức phát hành.....	10
2.	Tổ chức tư vấn	10
II.	CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	11
III.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	12
1.	Giới thiệu chung về tổ chức phát hành	12
2.	Ngành nghề kinh doanh chính	12
3.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	12
4.	Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của công ty.....	13
5.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông.....	15
6.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối với tổ chức phát hành.....	16
7.	Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty.....	18
8.	Hoạt động kinh doanh	20
8.1.	Sản phẩm, dịch vụ chính	20
8.2.	Sản lượng sản phẩm và giá trị sản phẩm qua các năm.....	20
8.3.	Nguyên liệu và các yếu tố đầu vào.....	21
8.4.	Chi phí hoạt động kinh doanh	23
8.5.	Trình độ công nghệ	24
8.6.	Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ mới	25
8.7.	Tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh.....	25
8.8.	Hoạt động Marketing	26
8.9.	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	27
8.10.	Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	27
9.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	28



9.1.	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	28
9.2.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo	29
10.	Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.....	30
10.1.	Vị thế của công ty trong ngành	30
10.2.	Triển vọng phát triển của ngành.....	30
10.3.	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới	31
11.	Chính sách đối với người lao động	32
11.1.	Số lượng và cơ cấu lao động	32
11.2.	Các chính sách với người lao động	32
11.3.	Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động	33
12.	Chính sách cổ tức.....	33
13.	Tình hình tài chính	34
13.1.	Các chỉ tiêu cơ bản.....	34
13.2.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	37
14.	Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	37
15.	Tài sản.....	49
16.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	50
16.1.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty	50
16.2.	Căn cứ để đạt được chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên.....	50
17.	Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	50
18.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của doanh nghiệp.....	50
19.	Các thông tin, các tranh chấp, kiện tụng, liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán	51
IV.	CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	52
1.	Loại cổ phiếu.....	52
2.	Mệnh giá	52
3.	Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán: 5.275.389 cổ phiếu	52
4.	Giá chào bán dự kiến	52
5.	Phương pháp tính giá	52
5.1.	Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu	52
5.2.	Giá chào bán cho cán bộ công nhân viên	52
	Được xác định bằng mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần nhằm mục tiêu:	52
6.	Phương thức phân phối	53
6.1.	Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu	53
6.2.	Cổ phiếu chào bán cho cán bộ công nhân viên	53

7.	Thời gian phân phối cổ phiếu.....	53
8.	Đăng ký mua cổ phiếu	53
8.1.	Chào bán cho cổ đông hiện hữu.....	53
8.2.	Chào bán cho cán bộ công nhân viên.....	54
9.	Phương thức thực hiện quyền	55
10.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	55
11.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	55
12.	Các loại thuế có liên quan.....	55
13.	Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	56
V.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	57
1.	Mục đích chào bán	57
2.	Phương án khả thi	57
VI.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	58
VII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	59
1.	Tổ chức tư vấn chào bán	59
2.	Tổ chức kiểm toán.....	59
VIII.	PHỤ LỤC.....	60

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

Sự phát triển và rủi ro của nền kinh tế thông thường được đánh giá thông qua các yếu tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Khi nền kinh tế đang trong chu kỳ tăng trưởng, các yếu tố vĩ mô được kiểm soát chặt chẽ, sức cầu tăng mạnh tạo động lực thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp. Tuy nhiên, khi nền kinh tế bước vào giai đoạn suy thoái, các yếu tố bất lợi xảy ra như lãi suất và lạm phát tăng cao, tỷ giá hối đoái có nhiều biến động, tăng trưởng GDP chậm lại, nhu cầu tiêu dùng có xu hướng giảm mạnh sẽ tạo lực cản đến sự phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

Trong giai đoạn 2002-2011, Việt Nam luôn được đánh giá là nền kinh tế mới nổi đầy triển vọng của Châu Á với tốc độ tăng trưởng GDP trung bình hàng năm cao đạt khoảng 7,2%. Tuy nhiên, không tránh khỏi tác động chung của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu bắt nguồn từ Mỹ năm 2008-2009, tốc độ tăng trưởng nền kinh tế của Việt Nam ghi nhận xu hướng giảm dần. Năm 2012, GDP của Việt Nam chỉ đạt 5,03% và dự báo năm 2013 sẽ nỗ lực cải thiện tăng lên 5,2% cùng với việc áp dụng các biện pháp cải thiện và tái cấu trúc nền kinh tế một cách đồng bộ và quyết liệt. Theo số liệu mới nhất của Tổng Cục Thống kê, GDP năm 2013 đạt 5,42%, lạm phát được kiểm chế ở mức 6,6%¹, lãi suất được kiểm soát chặt chẽ bởi Ngân hàng Nhà nước, hoạt động sản xuất công nghiệp được ưu tiên phát triển, các biện pháp thúc đẩy tiêu dùng, giảm lượng hàng tồn kho và tăng trưởng tín dụng tạo cơ hội tiếp cận vốn cho các doanh nghiệp được thực hiện song song với quá trình tái cấu trúc ngân hàng, giải quyết nợ xấu của Chính phủ. Tuy nhiên, hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn gặp phải những khó khăn khi thị trường bất động sản vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi rõ nét, giao dịch trầm lắng, khả năng tiếp cận nguồn vốn mới của các doanh nghiệp ngày càng bị thắt chặt do các ngân hàng áp dụng các biện pháp giảm thiểu và nâng cao quản trị rủi ro trong hoạt động cho vay, sức cầu được cải thiện nhưng không tăng mạnh như kỳ vọng. Do vậy, nhiều doanh nghiệp đã phải giải thể hoặc hoạt động cầm chừng.

2. Rủi ro luật pháp

Hoạt động sản xuất kinh doanh của NSC chịu sự điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các bộ luật về thuế có liên quan, và các quy định, nghị định pháp luật khác của Việt Nam. Hiện nay Việt Nam đang trong quá trình phát triển, tuy nhiên khung pháp lý và luật pháp vẫn chưa được đổi mới tương xứng với tốc độ phát triển kinh tế và đang trong quá trình nỗ lực xây dựng và hoàn thiện. Do vậy, mọi thay đổi và diễn giải, hướng dẫn pháp luật hiện hành có thể dẫn đến những hậu quả không mong đợi và gây ra những ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro về thị trường tiêu thụ sản phẩm

¹<http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=217>

Là đầu vào quan trọng cho ngành nông nghiệp trong nước, lĩnh vực giống cây trồng ở nước ta chỉ mới phát triển trong vòng 20 năm trở lại đây do xu hướng của người nông dân đã chuyển sang lựa chọn mua các giống cây trồng có năng suất cao, chất lượng và tính chống chịu tốt thay vì việc giữ giống của mùa vụ trước để tiết kiệm chi phí.

Tuy nhiên, ngành giống cây trồng của Việt Nam hiện tại có quy mô nhỏ, thị trường khá phân tán và manh mún với hơn 260 doanh nghiệp hoạt động tại các địa phương trên cả nước, trong đó chỉ 5 doanh nghiệp lớn là Công ty Cổ phần giống Cây trồng Miền Nam, Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương, Tổng Công ty Giống Cây trồng Thái Bình, Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ, Công ty TNHH 1TV SD Giống Cây trồng An Giang trực tiếp đầu tư nghiên cứu và cung ứng giống (chi phối khoảng 30% thị phần giống cây trồng của cả nước). Các doanh nghiệp còn lại chủ yếu là các công ty thương mại, nhập khẩu giống đáp ứng cho nhu cầu ngắn hạn của từng địa phương. Điều này dẫn đến một thực tế là hiện nay giống trong nước phải cạnh tranh với giống nhập khẩu, mỗi địa phương lại có 1 bộ giống riêng, chưa có giống chủ lực của từng vùng khiến chất lượng nông sản không đồng đều, khó cạnh tranh, giá bán thấp...

Không nằm ngoài quy luật cạnh tranh đó, hiện tại NSC mới chỉ có thể mạnh tại thị trường miền Bắc với 25% thị phần lúa từ duyên hải Nam Trung Bộ trở ra, chiếm 7% thị phần giống ngô. Việc thâm nhập vào các thị trường địa phương và khu vực miền Nam đang chịu sự cản trở của các chính sách trợ giá, bảo hộ sản xuất, tập quán sản xuất nông nghiệp của một số địa phương khiến khả năng phát triển thị trường của NSC gặp nhiều khó khăn.

3.2. Rủi ro về thời tiết

Thời tiết là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến việc gieo trồng của nông dân, từ đó ảnh hưởng đến chất lượng và sản lượng tiêu thụ hạt giống của NSC. Vùng duyên hải miền Nam Trung Bộ và miền Bắc là 2 vùng chịu ảnh hưởng nhiều nhất từ rủi ro thời tiết, trong khi miền Trung chịu nhiều mưa bão thì ở miền Bắc là rét và lạnh.

3.3. Rủi ro về diện tích đất nông nghiệp

Đất đai là nguồn lực quan trọng đối với quốc gia trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là trong quá trình đảm bảo an ninh lương thực và sinh kế bền vững. Tuy nhiên, diện tích đất nông nghiệp của Việt Nam rất manh mún và phân tán do những đặc thù về điều kiện địa hình, mật độ dân số, cách phân bổ đất đai, yếu tố văn hóa và lịch sử. Trung bình một hộ có 5 -7 mảnh đất khác nhau, tổng khoảng cách từ nơi ở đến ruộng của các hộ dân là khoảng 4,7km² (*Báo cáo điều tra tiếp cận nguồn lực hộ gia đình - Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn 2010*).

Bên cạnh đó, diện tích đất nông nghiệp Việt Nam đang dần mất đi do quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa. Tại hội thảo Quy hoạch sử dụng đất đai và việc xây dựng chiến lược quản lý tài nguyên đất đai dài hạn cho Việt Nam ngày 01/10/2013, Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam cũng cho rằng, với tốc độ đô thị hóa như hiện nay, diện tích đất nông nghiệp sẽ ngày càng bị thu hẹp. Dự báo đến 2015, Việt Nam

có tổng cộng 870 đô thị, đến 2025 có khoảng 1.000 đô thị, tương đương với nhu cầu sử dụng đất xây dựng đô thị lần lượt là 335.000 ha và 400.000 ha. Ngoài ra, dự báo đến năm 2100, nếu nước biển dâng 75cm thì diện tích bị ngập ở đồng bằng sông Cửu Long là 18,8%, tương đương 758.000 ha.

Những yếu tố trên đây có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của ngành nông nghiệp nói chung và ngành giống cây trồng nói riêng.

4. Rủi ro của đợt chào bán và của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

4.1. Rủi ro của đợt chào bán

Giá trị thị trường bình quân cổ phiếu NSC trong 60 phiên gần nhất (từ ngày 25/10/2013 đến ngày 17/01/2014) là 78.783 đồng/cổ phần. Việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với mức giá khá cao 65.000 đồng/cổ phần khiến khả năng tham gia của các cổ đông hiện hữu, cổ đông nhỏ lẻ là thấp, số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ để triển khai dự án.

Phương án xử lý trong trường hợp cổ phần không chào bán hết như dự kiến, ĐHĐCĐ đã thông qua tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu là 50% tổng số cổ phần chào bán. Trong trường hợp không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, Hội đồng quản trị sẽ:

- Lựa chọn bán cho nhà đầu tư khác với giá bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- Cân nhắc lựa chọn và điều chỉnh phương án đầu tư, đảm bảo nguyên tắc không ảnh hưởng đến nguồn vốn cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên của Công ty.

4.2. Rủi ro của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 35/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 21/12/2013, tổng nguồn vốn dự kiến huy động từ cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên là khoảng 328 tỷ đồng sẽ được sử dụng như sau:

- Đầu tư nâng tỷ lệ sở hữu tại các công ty mục tiêu cùng ngành giống cây trồng tại một số tỉnh thành lên trên 51% vốn điều lệ (thành công ty con) và nâng tỷ lệ sở hữu tại các công ty mục tiêu có cùng chuỗi giá trị sản xuất lên trên 25% vốn điều lệ (thành công ty liên kết): Dự kiến 300 tỷ đồng.
- Đầu tư, xây dựng hạ tầng và mua sắm trang thiết bị, phương tiện vận tải: Dự kiến 28 tỷ đồng.

Phần lớn số tiền thu được sẽ được sử dụng nhằm mục tiêu đầu tư vào chuỗi các công ty mục tiêu cùng ngành và cùng chuỗi giá trị sản xuất nhằm mở rộng quy mô công ty, mở rộng thị trường, hệ thống kho tàng, vùng nguyên liệu ... Tuy nhiên, kế hoạch đầu tư vào các công ty này sẽ cần nhiều thời gian nghiên cứu, tìm hiểu và đàm phán và chưa tạo ngay được lợi nhuận như kỳ vọng, đồng thời những khó khăn trong quá trình quản trị, điều hành sẽ tạo áp lực lớn lên ban lãnh đạo Công ty.

5. Rủi ro pha loãng

Việc phát hành thêm cổ phần sẽ pha loãng giá cổ phiếu. Cụ thể, tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu, giá của cổ phiếu Công ty sẽ được thị trường điều chỉnh theo công thức sau:

$$\text{Giá thị trường (điều chỉnh)} = \frac{PR(t-1) + I_1 * PR}{(1 + I_1)}$$

Trong đó:

- PR(t-1) là giá giao dịch của cổ phiếu trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền
- PR là giá phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu.
- $I1$: Tỷ lệ vốn tăng

Ví dụ: Giả sử giá giao dịch ngày trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền là 79.000 đồng/cổ phiếu, theo phương án phát hành dự kiến, giá cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là 65.000 đồng/cổ phiếu. Trong đó, tỷ lệ phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là 50%, giá cổ phiếu sẽ bị pha loãng như sau: Theo cơ chế giao dịch đang được Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh điều chỉnh (áp dụng cho cổ đông hiện hữu) Giá điều chỉnh tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền sẽ được tính bằng $= (79.000 + 50\% \times 65.000) / (1 + 50\%) = 74.333$ đồng/cổ phiếu.

Ngoài ra, chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) cũng có thể sẽ giảm do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cho có thể sẽ chưa tạo ra ngay doanh thu, lợi nhuận như kỳ vọng ngay trong năm phát hành.

6. Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty.

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**1. Tổ chức phát hành****Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương**

Bà Trần Kim Liên

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Ông Cao Duy Hà

Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Ông Phan Thế Tỷ

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn**Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam**

Đại diện: Nguyễn Thọ Phùng

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Giấy ủy quyền số 20/UQ-CKCT do Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam ký ngày 30/05/2012

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương cung cấp.

II. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

- Tổ chức phát hành/ Công ty Vinaseed/ NSC	Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương
- Tổ chức tư vấn	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
- Báo cáo tài chính Công ty mẹ	Là báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương
- Báo cáo tài chính hợp nhất	Là báo cáo được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của Giống Cây trồng Trung Ương và các công ty con, công ty liên kết
- CBCNV	Cán bộ công nhân viên
- Chào bán cho CBCNV	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động
- CTCP	Công ty Cổ phần
- ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
- Giấy chứng nhận ĐKKD	Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh
- HĐQT	Hội đồng quản trị
- LNST	Lợi nhuận sau thuế
- TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
- VCSH	Vốn chủ sở hữu
- VSD	Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam

III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Giới thiệu chung về tổ chức phát hành

- Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương
- Tên tiếng Anh giao dịch: Vietnam National Seed Corporation
- Tên viết tắt: NSC
- Địa chỉ giao dịch: Số 1 Lương Định Của, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: 04.35761894
- Fax: 04.38527996
- Website: <http://www.vinaseed.com.vn/>
- Logo:



- Giấy ĐKKD: 0101449271 đăng ký lần đầu ngày 06/02/2004, thay đổi lần thứ 9 ngày 21/01/2013 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp
- Vốn điều lệ: 100.298.380.000 đồng

2. Ngành nghề kinh doanh chính

- Kinh doanh bất động sản;
- Gia công, chế biến, đóng gói, bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp về giống cây trồng và vật tư phục vụ sản xuất giống cây trồng;
- Kinh doanh giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng;
- Trồng trọt.

Các ngành nghề nêu trên chưa khớp mã với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

Sản phẩm chính: Gia công, chế biến, đóng gói, kinh doanh giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng

3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Được thành lập từ năm 1968, tiền thân của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương là Công ty Giống cây trồng cấp I trực thuộc Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn.

Năm 1978, Công ty Giống cây trồng phía Nam được hợp nhất với Công ty giống cây trồng cấp I thành Công ty Giống cây trồng Trung ương trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công ty Giống cây trồng phía Nam trở thành Chi nhánh 1 của Công ty Giống cây trồng Trung ương. Năm 1981, Chi nhánh 1 được đổi thành Xí nghiệp Giống cây trồng 1

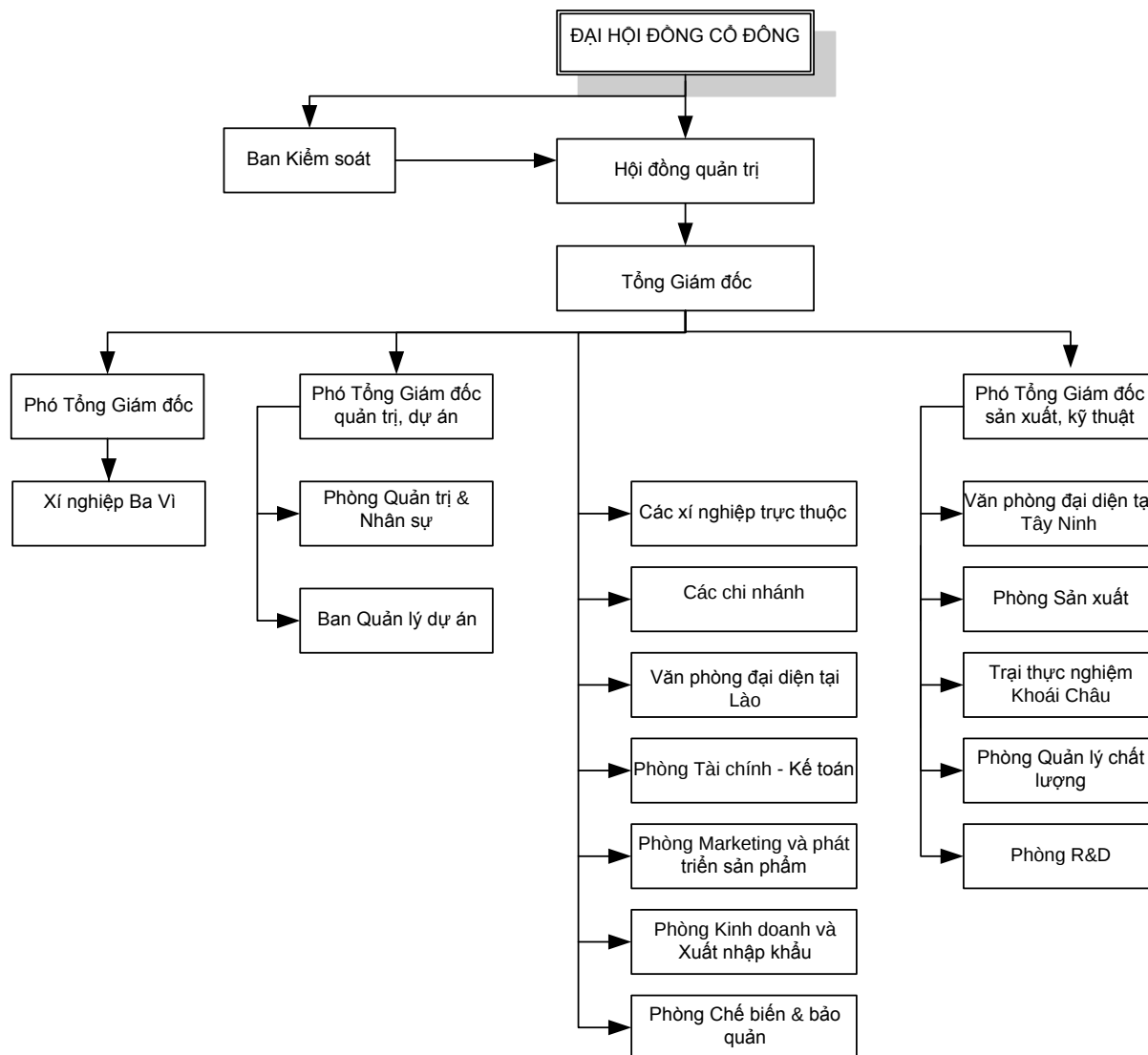
Năm 1989 Xí nghiệp Giống cây trồng I được tách ra thành Công ty Giống cây trồng Trung ương II, nay là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam (SSC).

Năm 1993, Công ty Giống cây trồng Trung ương được đổi tên thành Công ty Giống cây trồng trung ương I.

Ngày 10/11/2003 Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã có Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB chuyển đổi Công ty Giống cây trồng trung ương 1 thành công ty cổ phần với tên là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương.

Sau hơn 10 năm thực hiện cổ phần hoá, Công ty cổ phần Giống cây trồng trung ương đã khẳng định vị thế của mình là một trong những Công ty cung ứng giống phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng đầu cả nước.

4. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của công ty



Nguồn: NSC

Công ty hiện có các đơn vị trực thuộc sau:

- **Các Chi nhánh:**

- + Chi nhánh Miền Trung

Địa chỉ: Phường Đội Cung, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

- + Chi nhánh Thái Bình

Địa chỉ: Xã Đông Hợp, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình

- + Chi nhánh Miền Trung và Tây Nguyên

- Địa chỉ: Xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
- + Chi nhánh Thanh Hóa
Địa chỉ: Xã Định Tường, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hoá
 - **Các Xí nghiệp:**
 - + Xí nghiệp Đồng Văn
Địa chỉ: Thị trấn Đồng Văn, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam
 - + Xí nghiệp Ba Vì
Địa chỉ: Xã Đông Quang, Huyện Ba Vì, Hà Nội
 - **Đơn vị trực thuộc khác:**
 - + Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ
Địa chỉ: Xã Đông Quang, Huyện Ba Vì, Hà Nội
 - + Văn phòng đại diện tại tỉnh Udomxay -Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào
Địa chỉ: Tỉnh Udomxay
 - + Văn phòng đại diện tại tỉnh Tây Ninh
Địa chỉ: Số 3677, tổ 1, ấp 4, Bàu Đồn, Gò Dầu, Tây Ninh
 - + Trại thực nghiệm Khoái Châu
Địa chỉ: Xã Tân Dân, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên
 - + Nhà máy chế biến Thường Tín
Địa chỉ: Thị trấn Thường Tín, Huyện Thường Tín, Tỉnh Hà Tây

Đại hội đồng cổ đông:

Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo.

Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty.

Hội đồng quản trị:

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

Hiện tại HĐQT Công ty Cổ phần Giống cây trồng trung ương có 07 thành viên, có nhiệm kỳ là 5 năm.

Ban kiểm soát:

Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc:

Ban Giám đốc của công ty gồm có Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 5 năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác.

Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty

TT	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	% nắm giữ
1	Công ty TNHH NDH Việt Nam	Tầng 16, toà tháp ICON4, 243 Đê La Thành, p. Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	904.688	9,02%
2	Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	Tầng 5, số 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	1.616.172	16,11%
3	Công ty cổ phần Đầu tư Đường Mặt Trời	1C Ngô Quyền, Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	647.566	6,46%
4	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước-Công ty TNHH	Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	1.105.416	11,02%
5	Vietnam Holding Limited	Unit 1202 Floor 12, Fideco Tower, 81-85 Ham Nghi, District, HCMC, Vietnam	957.010	9,54%
	Tổng cộng		5.230.852	

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 26/11/2013 - VSD

Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập

TT	Cổ đông	Số cổ phần	% nắm giữ
1	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước	1.105.416	11,02%
2	145 cổ đông còn lại	1.037.085	10,34%
3	Đỗ Bá Vọng	56.093	0,56%
4	Đỗ Tiến Sỹ	64.875	0,65%
5	Phạm Ngọc Lý	55.820	0,56%
6	Trần Đình Long	20.016	0,2%
	Tổng cộng	2.339.305	

Nguồn: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101449271 thay đổi lần thứ 9 ngày 21/01/2013

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại ngày 26/11/2013

Đối tượng	Tổng cộng	% nắm giữ
-----------	-----------	-----------



I. Cổ đông đặc biệt	232.536	2,32%
1. Hội đồng quản trị	173.232	1,73%
2. Ban Giám đốc	12.777	0,13%
3. Ban kiểm soát	35.875	0,36%
5. Kế toán trưởng	10.652	0,11%
II. Cổ phiếu quỹ		
V. Cổ đông khác	9.797.302	97,68%
1. Trong nước	6.470.910	64,52%
1.1 Cá nhân	1.306.420	13,03%
1.2 Tổ chức	5.164.490	51,49%
- Trong đó Nhà nước	1.105.416	11,02%
2. Nước ngoài	3.326.392	33,16%
2.1 Cá nhân	171.459	1,71%
2.2 Tổ chức	3.154.933	31,46%
Tổng cộng	10.029.838	100,00%

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 26/11/2013 - VSD

6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối với tổ chức phát hành

6.1. Danh sách công ty mẹ

Không có

6.2. Danh sách công ty con

Công ty hiện có 1 công ty con là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây

Địa chỉ: Phường Phú Lâm, Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại: 043.3535401 Fax: 043.3530355

Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng tỷ lệ sở hữu của NSC: 53,8%

6.3. Danh sách công ty do NSC nắm quyền kiểm soát

Công ty đang có 1 công ty liên kết là Công ty cổ phần Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam

Địa chỉ: Km 943, QL1A, Điện Thắng Bắc, Điện Bàn, Quảng Nam

Điện thoại: 0510.3869455

Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng tỷ lệ sở hữu của NSC: 32,17%

6.4. Công ty đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối với NSC

Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	% nắm giữ
Công ty TNHH NDH Việt Nam	Tầng 16, toà tháp ICON4, 243 Đê	904.688	17,30%



	La Thành, Phường Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội		
Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	Tầng 5, số 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	1.616.172	30,90%
Công ty cổ phần Đầu tư Đường Mặt Trời	1C Ngô Quyền, Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	647.566	12,38%
Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước-Công ty TNHH	Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	1.105.416	21,13%

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 05/08/2013 – VSD

7. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Bảng 4: Tóm tắt quá trình tăng vốn của NSC

Thời điểm	Vốn điều lệ sau khi tăng (đồng)	Số lượng cổ phần phát hành thêm (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
2004	13.500.000.000	1.350.000	- Cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước	- Quyết định 5029/QĐ-BNN-TCCB ngày 10/11/2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
2006	36.240.200.000	862.010	- Phát hành nội bộ cho cổ đông hiện hữu, HĐQT, BKS, Bộ máy điều hành, CBNV và nhà đầu tư chiến lược	- Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2006 tổ chức ngày 25/3/2006
2006	30.000.000.000	787.990	- Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và CBCNV	- Biên bản ĐHĐCĐ bất thường ngày 30/6/2006
2007	36.000.000.000	600.000	- Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 20%	- Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2007 tổ chức ngày 07/4/2007
2008	57.659.500.000	2.165.950	- Phát hành cho cổ đông hiện hữu 1.205.950 cổ phần - Phát hành cho CBCNV 180.000 cổ phần - Phát hành cho cổ đông chiến lược 780.000 cổ phần	- Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2007 tổ chức ngày 07/4/2007
2009	80.141.610.000	2.248.211	- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức tỷ lệ 7% từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối của năm 2008 - Phát hành cổ phiếu thưởng cho	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2009 ngày 14/3/2009

Thời điểm	Vốn điều lệ sau khi tăng (đồng)	Số lượng cổ phần phát hành thêm (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
			cổ đông hiện hữu tỷ lệ 32% từ - Quỹ Đầu tư phát triển	
2010	81.341.610.000	120.000	- Phát hành cổ phiếu thưởng chương trình ESOP 2009 cho CBCNV	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2010 ngày 21/3/2010
2011	82.561.610.000	122.000	- Phát hành cổ phiếu thưởng chương trình ESOP 2010 cho CBCNV	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 20/3/2011
2012	100.298.380.000	1.773.677	- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 20% - Phát hành cổ phiếu chương trình ESOP 2011 cho CBCNV 124.230 cổ phiếu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 19/3/2012 - Công văn số 4511/UBCK-QLPH ngày 15/11/2012 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận phương án phát hành trả cổ tức bằng cổ phiếu - Công văn chấp thuận số 5147/UBCK-QLPH ngày 21/12/2012 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận phương án phát hành cổ phiếu thưởng cho CBCNV

Nguồn: NSC

8. Hoạt động kinh doanh

8.1. Sản phẩm, dịch vụ chính

Sản phẩm chính của Công ty là các loại hạt giống bán cho bà con nông dân đã được đăng ký công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa tại Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Hà Nội bao gồm:

- Lúa thuần (siêu nguyên chủng, nguyên chủng và xác nhận) bao gồm: Khang dân đột biến, Khang dân, Q5, Db6, Nếp 87, Mộc tuyền, Bắc thơm, Hương thơm, Xi23, X21 Bao thai ...
- Lúa lai F1: Nhị ưu 838, Nhị ưu 63, Dưu 527, 6511, Khải phong, Thụy hương, Bồi tạt sơn thanh, sản ưu quế 99, Bắc ưu (903, 253, 64), HC1, TH3-3...
- Ngô lai F1 gồm các tổ hợp: LVN10, LVN4, P11, P60, HQ2000...
- Ngô nếp VN2, VN6, nếp nù, ngô ngọt...
- Đỗ tương DT84, DT12, DT96, DT99...
- Lạc L14, L18, lạc sen...
- Khoai tây Đức, Hà Lan, Trung Quốc: Solarra, mariella, diamant, KT3, VT2...
- Các loại giống rau, phân bón lá...

Trong đó lúa và ngô là 2 loại giống đóng góp chủ yếu vào doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Công ty hiện đang sở hữu nhiều loại hạt giống độc quyền đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chính thức công nhận như: lúa lai 2 dòng HC1, lúa lai TH3-4, ngô lai HN45, lúa thuần Khang dân đột biến, lúa thuần DB6. Đây là những sản phẩm chính của Công ty và là những loại giống mang lại hiệu quả cao trong sản xuất, nên được nông dân ưa chuộng và tiêu thụ mạnh ở miền Bắc. Những loại giống độc quyền này là những giống đem lại lợi nhuận cao cho Công ty những năm gần đây và sẽ là những sản phẩm chiến lược của Công ty trong tương lai.

Ngoài ra, Công ty còn cung cấp thêm các dịch vụ khoa học công nghệ đi kèm giống như tư vấn kỹ thuật, dịch vụ xử lý bệnh, dịch vụ bảo vệ thực vật, cung cấp vật tư phân bón nhằm tạo ra giá trị gia tăng và sự tin tưởng từ người nông dân.

8.2. Sản lượng sản phẩm và giá trị sản phẩm qua các năm

Bảng 5: Cơ cấu sản lượng tiêu thụ từng dòng sản phẩm qua các năm

Đơn vị: tấn

Sản phẩm	Sản xuất			Tiêu thụ		
	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Lúa	20.075	14.444	17.359	17.872	18.539	18.025
Ngô	902	1.431	4.181	1.549	1.989	2.562
Rau, đậu khác	171	301	203	295	399	426
Tổng cộng	21.148	16.176	21.743	19.716	20.927	21.013

Nguồn: NSC

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu qua các năm

Đơn vị: triệu đồng

	BCTC riêng			BCTC hợp nhất		
	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Doanh thu						
Doanh thu bán hàng	494.533	569.527	614.717	512.100	589.310	634.311
Doanh thu dịch vụ	286	10	-	1.382	1.711	1.608
Tổng cộng	494.819	569.537	614.717	513.482	591.021	635.919
Giảm trừ doanh thu						
Doanh thu bán hàng	26.117	39.287	35.421	26.924	43.663	38.105
Doanh thu dịch vụ	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	26.117	39.287	35.421	26.924	43.663	38.105
Doanh thu thuần						
Doanh thu bán hàng	468.416	530.240	579.296	485.176	545.647	596.206
Doanh thu dịch vụ	286	10	-	1.382	1.711	1.608
Tổng cộng	468.702	530.250	579.296	486.558	547.358	597.814

Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2011, 2012 và
BCTC riêng và hợp nhất năm 2013 - NSC

Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm

Đơn vị: triệu đồng

	BCTC riêng			BCTC hợp nhất		
	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Hàng hóa đã bán	153.942	192.842	228.823	160.205	197.247	233.871
Cung cấp dịch vụ	286	10	-	1.382	1.711	1.608
Tổng	154.228	192.852	228.823	161.587	198.958	235.479

Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2011, 2012 và
BCTC riêng và hợp nhất năm 2013 - NSC

8.3. Nguyên liệu và các yếu tố đầu vào

a. Nguồn nguyên vật liệu

- Nguyên liệu cho sản xuất giống lúa thuần:

Giống lúa thuần của công ty bao gồm các chủng loại như Khang dân, Q5, Mộc Tuyền..... Nguồn nguyên liệu để sản xuất giống lúa thuần là hạt giống tác giả, hoặc giống xác nhận được chọn mẫu từ ruộng trồng đại trà tại các xí nghiệp, Trại thực nghiệm giống của Công ty hoặc tại các ruộng của các hợp tác xã và các đơn vị khác được các chuyên gia và cán bộ kỹ thuật của Công ty chọn lọc, làm thuần.

Các giống lúa tác giả được Công ty mua tại các cơ sở nghiên cứu sản xuất trong nước như Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, Viện di truyền nông nghiệp, Viện cây lương thực thực phẩm, Viện bảo vệ thực vật ... Vật liệu giống còn được nhập từ nước ngoài vào.

- Nguyên liệu cho sản xuất lúa lai, ngô lai và các giống lai khác.

Lúa lai được sản xuất trên cơ sở phối hợp với các cơ quan tác giả trong và ngoài nước như Viện nghiên cứu ngô, Viện sinh học nông nghiệp, Viện nghiên cứu lúa – trường Đại học Nông nghiệp 1, Viện khoa học nông nghiệp Việt Nam. Công ty Công nghệ kỹ thuật cao trường Đại học Nông nghiệp Tứ xuyên, Công ty Giống cây trồng Quảng Tây, Tổng công ty giống Cao Bình Nam Sung, Tứ Xuyên Trung Quốc; các cơ quan nghiên cứu sản xuất giống của Thái Lan, của Mỹ sau đó tiến hành sản xuất hạt lai F1 và cung ứng cho bà con nông dân.

- Các nguyên vật liệu phụ trợ khác.

Các nguyên liệu phụ trợ khác của Công ty chủ yếu là phân bón cũng như một số hoá chất phục vụ việc sản xuất giống. Những nguyên vật liệu này được cung cấp khá phổ biến trên thị trường.

b. Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên vật liệu

Nguồn hạt giống bố mẹ phục vụ cho việc sản xuất các giống lai của Công ty do các viện nghiên cứu, các trung tâm nghiên cứu trong nước cung cấp. Với trình độ kỹ thuật và cơ sở vật chất cho việc nghiên cứu của các trung tâm này nên nguồn cung cấp cho Công ty là tương đối ổn định.

Nguồn nguyên liệu giống sản xuất lúa thuần khá phong phú, Công ty hoàn toàn làm chủ quá trình sản xuất giống lúa thuần siêu nguyên chủng.

c. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận:

Với việc chủ động trong nguồn cung cấp nguyên vật liệu như hiện nay, giá cả nguyên vật liệu đầu vào được NSC đảm bảo khá ổn định và hầu như ít biến động trong những năm qua. Đồng thời tỉ trọng chi phí nguyên vật liệu trong tổng chi phí của Công ty tương đối thấp nên ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu và lợi nhuận không cao.

8.4. Chi phí hoạt động kinh doanh

Bảng 8: Cơ cấu chi phí hoạt động kinh doanh qua các năm

Đơn vị: triệu đồng

	BCTC riêng						BCTC hợp nhất					
	2011		2012		2013		2011		2012		2013	
	Giá trị	% Doanh thu thuần	Giá trị	% Doanh thu thuần	Giá trị	% Doanh thu thuần	Giá trị	% Doanh thu thuần	Giá trị	% Doanh thu thuần	Giá trị	% Doanh thu thuần
Giá vốn hàng bán	314.473	67%	337.397	64%	350.473	60%	324.971	67%	348.400	64%	362.335	62%
Chi phí tài chính	1.120	0%	223	0%	(408)	0%	1.127	0%	223	0%	(408)	0%
Chi phí bán hàng	55.908	12%	71.029	13%	83.262	14%	59.110	12%	73.627	13%	85.915	15%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	37.544	8%	46.305	9%	52.409	9%	42.454	9%	51.383	9%	57.489	10%
Chi phí khác	16	0%	25	0%	213	0%	47	0%	25	0%	213	0%
Tổng cộng	409.061		454.979		485.949		427.709		473.658		505.544	

Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2011, 2012 và BCTC riêng và hợp nhất năm 2013 - NSC

8.5. Trình độ công nghệ

Là một trong những đơn vị sản xuất và kinh doanh giống đầu ngành của Việt Nam, Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương có một hệ thống máy móc thiết bị hiện đại, đồng bộ phục vụ công tác nghiên cứu và sản xuất giống của Công ty, đáp ứng những đòi hỏi nghiêm ngặt của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về quá trình sản xuất giống. Máy móc thiết bị của Công ty thuộc loại tiên tiến nhất Việt Nam và hiện đại ở tầm khu vực. Một số máy móc chính của Công ty bao gồm:

- *Hệ thống máy sấy - chế biến hạt giống*: Công tác chế biến và bảo quản sản phẩm đóng một vai trò quan trọng trong công tác chế biến - bảo quản hạt giống. NSC hiện nay có hệ thống dây chuyền sấy – chế biến - đóng gói hiện đại, đồng bộ. Hệ thống máy cho phép thực hiện quy trình xử lý khép kín, từ khâu sấy, phân loại, nhuộm màu, xử lý thuốc và đóng bao. Với hệ thống máy móc này, chất lượng sản phẩm (hạt giống) của Công ty từng bước được cải thiện không ngừng (nhiều sản phẩm của Công ty vượt mức chất lượng so với tiêu chuẩn quy định của ngành). Các đơn vị của Công ty hầu như đều được trang bị máy móc nhằm phục vụ tốt các công đoạn từ sau khi thu hoạch, chế biến và bảo quản, phù hợp với yêu cầu chung của Công ty ở từng đơn vị cụ thể. Một số dây chuyền sấy chế biến lớn của Công ty như:

- + Hệ thống máy sấy chế biến của Xí nghiệp giống cây trồng trung ương Đồng Văn: công suất 3.000 tấn/năm, được đầu tư năm 2005
- + Hệ thống máy sấy chế biến của Nhà máy chế biến giống cây trồng trung ương Thường Tín: công suất 6.000 tấn/năm.
- + Nhà máy chế biến hạt giống tại chi nhánh Thái Bình với diện tích nhà chế biến 1.690 m², trang thiết bị phục vụ sấy, chế biến công suất 5.000 tấn/năm được đầu tư năm 2011.

- *Hệ thống kho tàng bảo quản giống*: Hệ thống kho tàng bảo quản giống của Công ty bao gồm hệ thống kho lạnh sâu, hệ thống kho mát và hệ thống kho thường đủ tiêu chuẩn để bảo quản hạt giống, tổng công suất bảo quản đạt trên 2.000 tấn.

- *Hệ thống nhà lưới, ruộng thí nghiệm và sản xuất*: Hiện tại Công ty đang quản lý hệ thống nhà lưới, ruộng thí nghiệm và sản xuất lên đến trên 100 ha, đặc trưng cho các vùng. Với hệ thống nhà lưới và ruộng thí nghiệm và sản xuất như trên, Công ty có thể tự chọn tạo và sản xuất ra các loại giống gốc, giống siêu nguyên chủng đảm bảo chất lượng tốt hơn so với sản xuất ở bên ngoài.

- *Nhà nuôi cấy mô*: Hiện tại Công ty đang có nhà nuôi cấy mô hiện đại đặt tại Ba Vì, Hà Tây chuyên sản xuất giống siêu nguyên chủng khoai Tây sạch bệnh. Đây nhà nuôi cấy mô đồng bộ, hiện đại được Cộng hoà Liên bang Đức tài trợ xây dựng trong dự án khoai tây Việt Đức. Nhà nuôi cấy mô được trang bị nhiều thiết bị hiện đại như Phòng vô trùng tiêu chuẩn quốc tế, phòng nuôi cấy mô, cân điện tử, tủ định ôn, kính hiển vi điện tử ...

- *Phòng kiểm tra chất lượng*: Phòng kiểm tra chất lượng của Công ty đạt tiêu chuẩn của Phòng Kiểm nghiệm hạt giống cây trồng nông nghiệp Loại I, đáp ứng tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2001 đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn công nhận tại Quyết định số 1580/QĐ-BNN-KHCN ngày 30/6/2005. Hiện nay tại Việt Nam mới chỉ có 5 phòng kiểm nghiệm hạt giống đạt được tiêu chuẩn này.

Phòng kiểm tra chất lượng được trang bị đầy đủ các máy móc thiết bị theo quy định bao gồm các phương tiện như cân điện tử, tủ sấy, tủ ẩm, buồng nảy mầm, bàn xoa hạt, đèn kính lúp, các loại nhiệt kế ... Tất cả các cán bộ kiểm tra chất lượng đều đã qua đào tạo về công tác kiểm tra chất lượng (kiểm định đồng ruộng, kiểm nghiệm hạt giống, lấy mẫu kiểm tra) và đều được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn công nhận và cấp giấy chứng nhận. Với các trang thiết bị. Với phòng kiểm tra chất lượng này, Công ty rất chủ động trong việc quản lý chất lượng sản phẩm trong toàn công ty bao gồm quản lý chất lượng hạt giống trong quá trình sản xuất, chất lượng hạt giống khi nhập kho, trong quá trình bảo quản và trước khi xuất kho, cấp giấy chứng nhận chất lượng các lô hạt giống phục vụ cho kinh doanh.

8.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ mới

Công ty đặt vị trí của nghiên cứu và phát triển lên hàng đầu, không ngừng tăng cường đầu tư, đổi mới trang thiết bị và bồi dưỡng nâng cao nguồn nhân lực, đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Công ty.

Trong những năm qua, Công ty đã thu hút được sự cộng tác của nhiều nhà khoa học đầu ngành trong ngành giống Việt Nam cũng như giữ mối quan hệ chặt chẽ với các Trung tâm, Viện nghiên cứu, các trường đại học trong cả nước để tìm kiếm, phát triển các sản phẩm giống mới, đem lại năng suất cao cho bà con nông dân từ đó đem lại doanh thu lợi nhuận cho Công ty.

Định hướng chính trong công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới của Công ty là tập trung chọn tạo ra các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu của thị trường và xu hướng phát triển của nông nghiệp Việt Nam đó là nâng cao năng suất, rút ngắn thời gian sinh trưởng và tăng chất lượng sản phẩm từ đó tăng giá trị kinh tế trên 1 ha đất sản xuất nông nghiệp (hiện nay, Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn đang đưa ra chương trình cánh đồng 50 triệu với mục tiêu giá trị kinh tế trên 1 ha diện tích đất sản xuất nông nghiệp đạt 50 triệu đồng).

Nội dung nghiên cứu phát triển tập trung vào một số vấn đề chính gồm tạo ra các tổ hợp lúa lai và ngô lai mới mang thương hiệu Công ty có năng suất cao, thời gian sinh trưởng ngắn, khả năng chống chịu sâu bệnh và điều kiện bất thuận cao, chất lượng sản phẩm cao đáp ứng được yêu cầu của thị trường.

Phát triển hoạt động kinh doanh bất động sản để khai thác triệt để cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có: Hiện tại Công ty đang quản lý khu đất tại D8 Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội với diện tích 1.341,8 m², Công ty đang triển khai thực hiện đầu tư xây dựng tổ hợp nhà làm việc và văn phòng cho thuê tại vị trí này nhằm tận dụng nhu cầu văn phòng cho thuê đang rất lớn trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn hiện nay và nhằm đa dạng hoá hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tăng doanh thu và lợi nhuận hoạt động.

8.7. Tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh

Năm	Giá trị đầu tư (đồng)	Tình hình đầu tư và hiệu quả
2011	14.847.828.000	- Xây dựng nhà máy chế biến hạt giống tại chi nhánh Thái Bình với diện tích nhà chế biến 1.690 m² và các trang thiết bị phục vụ sấy, chế biến công suất 5.000 tấn/năm. - Đầu tư mua sắm một số trang thiết bị phục vụ chế biến đóng gói hàng hóa phục vụ kinh doanh như máy sàng tuyển chọn hạt giống,

Năm	Giá trị đầu tư (đồng)	Tình hình đầu tư và hiệu quả
		dây chuyền đóng gói tự động, máy nhuộm màu hạt giống, máy đóng gói bán tự động, xe nâng hàng, băng tải...
2012	20.016.318.519	- Tiếp tục đầu tư xây dựng nhà máy chế biến hạt giống tại chi nhánh Thái Bình - Cải tạo nâng cấp trung tâm nghiên cứu - Đầu tư, mua sắm thiết bị, bản quyền giống
2013	8.699.579.800	- Đầu tư nâng cấp trại thực nghiệm Khoái Châu - Đầu tư nhà lưới Trung tâm nghiên cứu (diện tích 324m²) - Đầu tư văn phòng đại diện tại Lào - Mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và tài sản cố định khác

Các dự án đầu tư nâng cấp và hiện đại hóa, tự động hóa trang thiết bị sản xuất phục vụ bảo quản, chế biến, đóng gói hàng hóa góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và khả năng cung ứng giống ra thị trường kịp thời.

Các dự án đầu tư cải tạo xây dựng trụ sở làm việc, nâng cấp trung tâm nghiên cứu giống giúp tạo điều kiện làm việc tiện nghi và an toàn cho cán bộ công nhân viên.

8.8. Hoạt động Marketing

Hệ thống phân phối sản phẩm của Công ty bao gồm các mạng lưới chi nhánh, đại lý cung ứng giống và vật tư nông nghiệp tại các tỉnh/ huyện, các trung tâm chuyển giao công nghệ, các hợp tác xã tại các tỉnh đồng bằng phía Bắc và Nam Trung Bộ. Đối với thị trường Lào và Myanmar, Công ty đang từng bước tiếp cận, điều tra thông tin thị trường và tiến hành thành lập liên doanh sản xuất, kinh doanh giống cây trồng khi hoàn thiện các điều kiện cần thiết.

Chính sách phân phối của Công ty có những điểm mạnh so với doanh nghiệp khác là Công ty thực hiện ưu đãi tín dụng, chuyển giao công nghệ, chiết khấu bán hàng, bảo hành sản phẩm ... để các khách hàng có cơ hội sử dụng các sản phẩm của Công ty ngày càng nhiều. Các đại lý bán giống của Công ty đều có đủ các loại giống để bán, nếu sốt giá, Công ty không tăng giá bán mà vẫn giữ nguyên giá bán.

Công ty thường xuyên thực hiện việc quảng bá và phát triển thương hiệu. Việc quảng bá được thực hiện phần lớn thông qua báo Nông nghiệp Việt Nam, và các Hội chợ triển lãm Nông nghiệp. Hình thức quảng bá này rất phù hợp với Công ty vì hình thức này giúp tên tuổi và thương hiệu Công ty đến với phân khúc khách hàng mục tiêu là các đại lý bán hàng giống cây trồng, các trung tâm, hợp tác xã một cách nhanh nhất. Đồng thời Công ty cũng hỗ trợ các đại lý bán hàng, các trung tâm, hợp tác xã trong việc giới thiệu sản phẩm tới bà con nông dân thông qua việc cung cấp các tờ rơi, băng rôn giới thiệu sản phẩm cho các đại lý để phân phát tới tận tay bà con nông dân.

Bảng 9: Tổng hợp tình hình hoạt động Marketing từ năm 2011 - 2013

Năm	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Tập huấn kỹ thuật cho nông dân (cuộc)	62	89	118
Dán poster quảng cáo sản phẩm (tờ)	7.500	8.200	4.500
Treo biển quảng cáo sản phẩm (tấm)	120	350	640
Cấp phát tờ rơi cho khách hàng, nông dân (tờ)	42.515	45.000	35.000
Theo dõi, tư vấn kỹ thuật cánh đồng mẫu lớn (Mô hình)			93
Tổ chức hội nghị đại biểu, thăm đồng (cuộc)	14	52	66
Tham gia hội chợ, xúc tiến thương mại (lần)	5	6	8
Quảng cáo sản phẩm trên các phương tiện truyền thông (lần)			
Báo	26	180	168
Trên Ti vi	18	43	46
Đài phát thanh	7	1.476	379
Quảng cáo sản phẩm trên Website và Báo điện tử trung ương và địa phương (lần)	84	88	216

Nguồn: NSC

8.9. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền



Hiện tại Công ty đã đăng ký nhân hiệu thương mại với Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam với trên 30 giống các loại độc quyền kinh doanh, trong đó có 7 giống lúa chuyển giao bản quyền gồm: Giống lúa thơm RVT, OM6976, Giống lúa chất lượng T10, Thiên Ưu 8, QR14, Nếp vàng ĐB, Nếp 100, 1 giống ngô nếp lai.

8.10. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 10: Danh sách một số hợp đồng lớn

Đơn vị: triệu đồng

Khách hàng	Hợp đồng	Ngày ký	Mặt hàng	Giá trị	Hiện trạng
Trạm KN Phở Yên	184/HDKT	10/5/2013	Giống lúa lai TH3-4	792	Đã thực hiện
CT Giống rau quả TW	13/HDMB	12/9/2013	Giống rau cải bẹ Đại Bình phổ	960	Đã thực hiện
CT Giống rau quả TW	12/HDMB	11/9/2013	Giống cải xanh mỡ, xà lách Hải phòng	2.400	Đã thực hiện
Phòng Kỹ thuật Sóc Sơn	563/HDKT	19/9/2013	Giống ngô HN88	1.200	Đã thực hiện
Cửa hàng Vật tư nông	238/HDKT	18/4/2013	Giống lúa các loại	896	Đã thực hiện



Khách hàng	Hợp đồng	Ngày ký	Mặt hàng	Giá trị	Hiện trạng
ngiệp Yên Lạc					
Xí nghiệp giống cây trồng Yên Khê	547/HDKT	30/8/2013	Giống ngô HN88	870	Đã thực hiện
Trung tâm Giống Cây trồng Bình Định	273/HDMB	23/4/2013	Giống lúa lai Nhị ưu 838	2.769	Đã thực hiện
Cty TNHH giống Nông nghiệp và rau quả công nghệ cao Việt Nhật	823/HDKT	12/11/2013	Giống lúa các loại	3.207	Đang thực hiện
Chi nhánh Vật tư Nông nghiệp Phổ Yên	838/HDKT	12/11/2013	Giống lúa các loại	951	Đang thực hiện
CTCP Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam	100/HDKT	11/10/2013	Giống lúa lai Nhị ưu 838	2.150	Đang thực hiện
Trung tâm Giống Cây trồng Bình Định	31/HDKT	22/11/2013	Giống lúa các loại	6.841	Đang thực hiện, đã giao hàng xong
CTCP Đại Thành	558/HDKT	9/9/2013	Giống ngô HN88	840	Đang thực hiện, đã giao hàng xong
CTCP Đại Thành	545/HDKT	19/8/2013	Giống ngô HN88	560	Đang thực hiện, đã giao hàng xong
Văn phòng hợp tác Việt Lào	161/HDKT	15/3/2013	Giống ngô LVN10	3.600	Đã, đang thực hiện
CTCP Miền Nam	60/HD	4/1/2013	Giống ngô HN88		Đã, đang thực hiện

Nguồn: NSC

9. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

9.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 11: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Báo cáo tài chính riêng	Báo cáo tài chính hợp nhất
----------	-------------------------	----------------------------

	2011	2012	% tăng giảm	2013	2011	2012	% tăng giảm	2013
Tổng giá trị tài sản	357.628	392.480	9,7%	441.211	362.548	393.154	8,4%	439.523
Doanh thu thuần	468.703	530.249	13,1%	579.296	486.558	547.358	12,5%	597.814
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	64.070	80.629	25,8%	98.589	63.577	78.582	23,6%	97.220
Lợi nhuận khác	358	1.570	338,5%	1.924	352	1.843	423,6%	1.925
Lợi nhuận trước thuế	64.428	82.200	27,6%	100.514	64.118	79.950	24,7%	99.079
Lợi nhuận sau thuế	63.156	80.756	27,87%	98.030	62.253	78.222	25,65%	96.110
Vốn điều lệ	82.562	100.298	21,48%	100.298	82.562	100.298	21,48%	100.298
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	76,50%	80,52%	4,02%	97,74%	75,40%	77,99%	2,59%	95,82%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2011, 2012 và

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2013 – NSC

Định hướng hoạt động của Công ty hàng năm khá cụ thể và rõ ràng cùng với sự điều hành, giám sát chặt chẽ của Ban lãnh đạo, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều đi theo đúng định hướng và kết quả sản xuất kinh doanh đều hoàn thành kế hoạch đề ra.

Tổng giá trị tài sản có sự tăng trưởng do hoạt động đầu tư thường xuyên, liên tục cho các hạng mục tài sản cố định từ năm 2007 đến nay.

Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của Công ty liên tục tăng trưởng và vượt kế hoạch, năm 2013 Công ty đã đạt kế hoạch dự kiến đề ra (kế hoạch doanh thu 2013: 598,3 tỷ đồng, kế hoạch lợi nhuận sau thuế 2013: 96 tỷ đồng). Trong đó, cơ cấu doanh thu và lợi nhuận đang hướng đến việc nâng dần tỷ trọng doanh thu từ các bộ giống độc quyền.

Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức hàng năm khá cao, Công ty luôn duy trì mức trả cổ tức bằng tiền mặt và cổ phiếu bình quân 30% - 45%/năm.

9.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Nhân tố thuận lợi:

Công ty có thương hiệu mạnh trong ngành và dành được sự tin tưởng của người nông dân trong nhiều năm với danh mục sản phẩm khá đa dạng, chất lượng cao và thích hợp với nhiều vùng sinh thái trên cả nước.

Trong năm 2011 – 2013, Công ty đã chủ động chuẩn bị đầy đủ hàng hóa có chất lượng cao, đặc biệt là những mặt hàng thuộc bộ giống độc quyền phục vụ cho các vụ mùa trên cơ sở đầu tư tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho hệ thống sấy, chế biến, đóng gói tại nhà máy chế biến hạt giống Thái Bình,

nâng cấp hệ thống sấy tại chi nhánh Vinh, cải tạo nhà làm việc Trung tâm nghiên cứu và mua sắm bổ sung máy móc thiết bị phục vụ sấy chế biến, đóng gói và vận chuyển.

Cơ cấu quản trị và tổ chức công ty gọn nhẹ, linh hoạt và theo hướng ngày càng chuyên nghiệp, minh bạch hơn. Công ty đã ban hành quy chế quản trị rủi ro và thành lập ban kiểm soát nội bộ để tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nội bộ thường xuyên.

Nhân tố bất lợi

Tình hình kinh tế xã hội trong nước gặp nhiều khó khăn, sức mua của người nông dân giảm sút dẫn đến các doanh nghiệp cùng ngành kinh doanh giống đều bị tồn kho lớn. Các mặt hàng giống phổ thông giảm giá 20% so với cùng kỳ trong khi cơ cấu sản phẩm của Công ty vẫn chiếm tới hơn 60% là giống phổ thông.

Do cơ cấu sản xuất của các địa phương cũng như cơ cấu tiêu dùng của người nông dân đang có sự chuyển dịch nhanh do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu dẫn đến áp lực từ sản phẩm thay thế trên thị trường khá lớn. Bên cạnh đó, tính bảo hộ của các địa phương trong lĩnh vực kinh doanh giống cây trồng vẫn còn khá lớn gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng và ảnh hưởng đến khả năng thâm nhập sản phẩm của Công ty vào các thị trường này gặp nhiều khó khăn.

Hệ thống cơ sở vật chất mặc dù vẫn liên tục được đầu tư nâng cấp nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đặc biệt là hệ thống kho tàng dự trữ sản phẩm, dẫn đến tình trạng có thời điểm không đủ giống cung cấp cho thị trường.

10. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

10.1. Vị thế của công ty trong ngành

Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung ương hiện là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh giống cây trồng tại Việt Nam xét về quy mô, tốc độ tăng trưởng và thị phần giống cung ứng ra thị trường. NSC là một trong năm doanh nghiệp có quy mô vốn điều lệ và tổng tài sản lớn nhất trong số hơn 260 doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, phân phối giống trong cả nước. Bình quân hàng năm, Vinaseed cung ứng khoảng 30.000 tấn giống hàng hoá siêu nguyên chủng, nguyên chủng, giống lai F1 (cả lúa và ngô) đáp ứng trên 600.000ha gieo trồng, chiếm 17% thị phần giống lúa cả nước.

Năm 2012, NSC được vinh dự được xếp hạng trong danh sách 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2012 (Fast500) do Vietnam Report phối hợp cùng báo Vietnamnet thực hiện. Trong năm 2013, NSC đã được tạp chí uy tín Forbes vinh danh cùng 9 doanh nghiệp Việt Nam khác trong số 200 công ty vừa và nhỏ có doanh thu dưới 1 tỷ USD tốt nhất khu vực Châu Á – Thái Bình Dương (Best Under a Billion), được trao giải thưởng và kỷ niệm chương cho 200 doanh nghiệp đạt danh hiệu Sao vàng đất Việt 2013 và lọt vào Top 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam do Báo Nhịp cầu đầu tư phối hợp với công ty chứng khoán Thiên Việt tổ chức.

10.2. Triển vọng phát triển của ngành

Cây lúa là cây lương thực chính trong mục tiêu phát triển nông nghiệp của Việt Nam để đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia và xuất khẩu. Tại Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 10/06/2013 theo Quyết định số 899/QĐ-TTg, nông nghiệp được

xem là lĩnh vực trọng tâm cần đẩy mạnh tái cơ cấu trong tổng thể nền kinh tế quốc dân. Theo đó, ngành nông nghiệp cần duy trì tăng trưởng, nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh thông qua tăng năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng; đáp ứng tốt hơn nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu. Phân đầu đạt tốc độ tăng trưởng GDP toàn ngành bình quân từ 2,6% - 3,0%/năm trong giai đoạn 2011 - 2015, từ 3,5 - 4,0%/năm trong giai đoạn 2016 – 2020.

Để đảm bảo mục tiêu nêu trên, đề án cũng nêu rõ một số định hướng đối với lĩnh vực trồng trọt bao gồm:

- Duy trì và sử dụng linh hoạt 3,8 triệu ha diện tích đất trồng lúa để bảo đảm an ninh lương thực và nâng cao hiệu quả sử dụng đất, sản lượng lúa đạt trên 45 triệu tấn vào năm 2020;
- Tập trung cải tạo giống lúa để nâng cao năng suất, chất lượng gạo;
- Tiếp tục mở rộng diện tích gieo trồng ngô để đạt sản lượng trên 8,5 triệu tấn nhằm cung cấp nguyên liệu cho sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp, giảm nhập khẩu;
- Tập trung sản xuất rau, hoa, quả công nghệ cao, quy mô lớn ở những địa phương có lợi thế; đồng thời khuyến khích phát triển vườn nhà;
- Hỗ trợ tập huấn, khuyến nông và các dịch vụ tư vấn nhằm nâng cao kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch cho nông dân;

10.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Định hướng của NSC là tập trung vào các hoạt động kinh doanh cốt lõi bao gồm nghiên cứu, sản xuất và kinh doanh các giống lúa, ngô, rau, đậu và giống hoa đồng thời cung cấp các dịch vụ khoa học công nghệ đi kèm giống như xử lý bệnh cho cây trồng, tư vấn kỹ thuật và bảo vệ thực vật ... Định hướng nêu trên được đánh giá là phù hợp với định hướng của ngành, thị trường và chính sách của nhà nước dựa trên các cơ sở sau:

NSC đã xác định chiến lược nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ là chiến lược nền tảng, tạo thế cạnh tranh. NSC đã tập trung đầu tư gần 70 tỷ đồng cho công tác nghiên cứu, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho việc chọn tạo, thu thập, duy trì và bảo tồn nguồn gen.

NSC đã thành lập Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ để nghiên cứu, chọn tạo giống lai của các cây lúa, ngô và rau; lọc thuần, phục tráng, sản xuất giống gốc và giống bố mẹ phục vụ kinh doanh và nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật canh tác. Công ty còn có quỹ gen cho các cây trồng đáp ứng nhu cầu lai tạo với trên 13.000 dòng tự phối F3 - F10, trên 1.000 dòng tự phối ưu tú...

Ngoài ra, công ty còn tập trung đầu tư để hiện đại hoá và thực hiện công nghiệp hạt giống tại Việt Nam với tổng đầu tư gần 100 tỷ cho việc xây dựng hệ thống kho bảo quản, chế biến để nâng cao chất lượng hạt giống với công suất 25.000 tấn năm.

Việc đào tạo nguồn nhân lực được NSC rất chú trọng và coi đây là giá trị cốt lõi, yếu tố quyết định thành công. Từ năm 2004 đến nay, công ty đã giành trên 5 tỷ đồng cho công tác đào tạo nguồn lực, trên 700 lượt cán bộ được đào tạo lại (100% lực lượng lao động), đào tạo được 10 thạc sỹ trong đó có 8 thạc sỹ tạo giống cây trồng, 2 thạc sỹ quản trị kinh doanh quốc tế, 50 kỹ sư nông nghiệp được cấp chứng chỉ hành

nghe kiểm tra chất lượng. Công ty còn hợp tác chặt chẽ với các đơn vị nghiên cứu trong và ngoài nước như Viện Di truyền nông nghiệp, Viện Công nghệ sinh học, Viện lúa Đồng bằng sông Cửu Long...

Công ty còn là một trong những doanh nghiệp khoa học công nghệ tiên phong trong hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu. NSC là đơn vị đầu tiên trong ngành giống tập hợp được các nhà khoa học, phối hợp với các tổ chức khoa học công nghệ trong việc đào tạo nguồn lực, chọn tạo và ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Hiện tại, nhiều nhà khoa học và chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực tạo giống của Việt Nam đã và đang hợp tác với công ty. NSC đã dành nhiều cơ chế linh hoạt đối với các cá nhân, tổ chức hợp tác nghiên cứu, chọn tạo giống như đặt hàng nghiên cứu, góp vốn bằng bản quyền, dòng triển vọng, chuyển nhượng quyền kinh doanh... Cụ thể, các cá nhân, tập thể có đóng góp trực tiếp trong quá trình nghiên cứu chọn tạo ra giống mới và được đưa vào cơ cấu sản phẩm kinh doanh của công ty sẽ được ghi danh đồng tác giả giống mới và hưởng 40% tiền bản quyền tác giả theo mặt bằng giá thị trường tại thời điểm ra giống mới, được hưởng 2-5% doanh số đối với giống được kinh doanh của công ty trong thời gian 5 năm...

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Số lượng và cơ cấu lao động

Số lượng và cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 30/09/2013 là 302 người. Cơ cấu lao động của công ty theo trình độ học vấn như sau:

- Tiến sỹ: 8 người
- Thạc sỹ: 23 người
- Đại học: 190 người
- Công nhân bậc 1: 81 người

11.2. Các chính sách với người lao động

NSC luôn đánh giá rất cao yếu tố con người là nhân tố hàng đầu trong sự thành công của công ty. Với ý thức tập thể vững mạnh được là do có những con người vận hành giỏi vì vậy nguồn nhân lực là yếu tố sống còn cho sự thành công của Công ty. Toàn bộ nhân viên công ty được đóng bảo hiểm và tham gia vào tổ chức công đoàn của công ty.

Điều kiện lao động

Năm 2013, Công ty đã tiến hành khởi công xây dựng trụ sở làm việc với quy mô 8 tầng (1 tầng hầm) có tổng diện tích xây dựng là 1.820m² tại địa chỉ số 1 Lương Định Của, Phường Mai, Đồng Đa, Hà Nội nhằm nâng cao điều kiện làm việc cho người lao động.

Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: 8 giờ/ngày từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng ngày thứ 7 (5,5 ngày/tuần)
- Lương và thưởng theo chế độ cạnh tranh và theo hiệu quả làm việc của từng người lao động, người lao động được đánh giá lại theo từng quý.
- Các chế độ: thai sản, con nhỏ, nghỉ phép, nghỉ ốm, làm thêm giờ: Theo Quy định của Luật lao động và Quy chế của NSC

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Chính sách đào tạo và phát triển nhân viên là công tác được ưu tiên hàng đầu của NSC. Công tác đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ được thực hiện một cách liên tục và thông suốt, có hệ thống. Mục tiêu của công ty là xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên thành thạo về nghiệp vụ, chuẩn mực trong đạo đức kinh doanh, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và nhiệt tình phục vụ khách hàng. Các nhân viên trong hệ thống NSC được khuyến khích đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ phù hợp với chức năng công việc nhằm thực hiện tốt công việc hiện tại và chuẩn bị cho những công việc có tính trách nhiệm cao hơn.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

- Mức lương trung bình hàng tháng là 7 triệu đồng (năm 2011) và 8,5 triệu đồng/tháng (năm 2012) và 10 triệu đồng/tháng (năm 2013).
- Xây dựng Quy chế lương, thưởng, hệ thống tiêu chuẩn chức danh và chính sách nhân viên gắn liền với năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động, đảm bảo cạnh tranh với các doanh nghiệp trong ngành nhằm động viên, khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động sáng tạo trong công việc.

Các chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội

- Tất cả nhân viên chính thức của NSC đều được hưởng các trợ cấp và đóng bảo hiểm xã hội phù hợp với Luật lao động. NSC tạo môi trường làm việc an toàn, thân thiện, hiện đại, khuyến khích và tạo điều kiện cho CBCNV học tập, nâng cao trình độ để gắn bó làm việc lâu dài tại NSC.

11.3. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Năm 2010, 2011, 2012 Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu thưởng cho cán bộ công nhân viên trên cơ sở Quy chế chào bán ưu đãi cổ phần cho cán bộ công nhân viên ban hành kèm theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 14/NQ-HĐQT-CTG ngày 07/07/2010.

Năm 2014, Công ty thực hiện chào bán cổ phiếu cho người lao động với mức giá ưu đãi 10.000 đồng/cổ phần theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/NQ-HĐQT-CTG ngày 10/01/2014.

12. Chính sách cổ tức

Theo Điều lệ Công ty, cổ tức được trích từ lợi nhuận của Công ty, cổ tức được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn phải trả. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Mức cổ tức hàng năm của Công ty trả cho cổ đông (% trên mệnh giá cổ phiếu) theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên như sau:

	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013 (dự kiến)
Bằng tiền	30%	30%	30%
Bằng cổ phiếu	-	20%	-

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 40 /NQ-ĐHĐCĐ2012 ngày 19/03/2012 và số 07 /NQ-ĐHĐCĐ2013 ngày 21/03/2013

13. Tình hình tài chính

13.1. Các chỉ tiêu cơ bản

12.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 12: Cơ cấu vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nguồn vốn	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2013
1	Vốn điều lệ	82.562	100.298	100.298
2	Thặng dư vốn cổ phần	54.798	54.798	54.798
3	Các quỹ	34.882	65.823	89.769
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	42.397	51.864	85.678
5	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.467	-	-
6	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	262	262
	Tổng cộng	216.106	273.045	330.805

Nguồn: BCTC Công ty mẹ đã kiểm toán năm 2011, 2012 và BCTC năm 2013 – NSC

12.1.2. Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm – 25 năm
Máy móc, thiết bị	5 năm – 7 năm
Phương tiện vận tải	6 năm – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 năm – 6 năm

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán riêng năm 2012 - NSC

12.1.3. Mức thu nhập bình quân

Thu nhập bình quân người lao động trong 3 năm từ 2011 đến 2013 của Công ty là 8.800.000 đồng/người/tháng (chi tiết tại mục 11.2).

12.1.4. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Tính đến nay, Công ty luôn thực hiện tốt, đúng và đầy đủ các khoản nợ đến hạn phải trả bao gồm các khoản phải trả thương mại, thuế và các khoản phải nộp nhà nước và phải trả khác.

12.1.5. Các khoản phải nộp theo luật định

Thực hiện chủ trương minh bạch hóa và duy trì uy tín trên thị trường của mình, Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Riêng với nghĩa vụ tài chính, hiện tại Công ty không có các khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước nào quá hạn phải trả.

Bảng 13: Số dư các khoản phải trả, phải nộp Nhà nước

Đơn vị: triệu đồng

	BCTC riêng			BCTC hợp nhất		
	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Thuế giá trị gia tăng	-	6	78	26	87	116
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.272	952	484	1.860	1.364	692
Thuế thu nhập cá nhân	884	682	2.012	900	682	2.012
Tiền thuê đất	-	-	470	-	-	919
Thuế khác	263	708	16	263	1.120	16
Tổng cộng	2.419	2.347	3.060	3.049	3.253	3.755

Nguồn: BCTC riêng, hợp nhất đã được kiểm toán năm 2011, 2012 và
BCTC riêng, hợp nhất năm 2013 - NSC

12.1.6. Trích lập các quỹ theo quy định

Theo Biên bản Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013, các quỹ năm 2012 được thông qua phương án trích lập tuân thủ theo Điều lệ Công ty và quy định pháp luật như sau:

Bảng 14: Bảng kê trích lập quỹ năm 2012

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	Phương pháp tính	Số tiền
1	Quỹ dự trữ bắt buộc	5% lợi nhuận sau thuế	3.880.148.934
2	Quỹ đầu tư phát triển	27,8% lợi nhuận sau thuế	21.538.780.725
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8% lợi nhuận sau thuế	6.208.238.294

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013

12.1.7. Tình hình nợ vay

Công ty chủ yếu sử dụng nguồn vốn tự có để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Lãi vay được ghi nhận đầy đủ vào chi phí tài chính theo quy định. Công ty luôn trả nợ đúng hạn và cho đến nay không phát sinh bất kỳ khoản nợ quá hạn nào.

Bảng 15: Dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn

Đơn vị: triệu đồng

	BCTC riêng			BCTC hợp nhất		
	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Vay và nợ ngắn hạn	0	187	0	0	187	0
Vay và nợ dài hạn	374	0	0	374	0	33
Tổng cộng	374	187	0	374	187	33

Nguồn: BCTC riêng, hợp nhất đã được kiểm toán năm 2011, 2012 và
BCTC riêng, hợp nhất năm 2013 - NSC

Dư nợ vay ngắn hạn của Công ty là khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch I của hợp đồng tín dụng có hạn mức 3.100.000.000 đồng với lãi suất 5,4%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay. Tại ngày 31/12/2013, Công ty không có dư nợ vay, công ty con có khoản vay dài hạn trị giá 33 triệu đồng.

12.1.8. Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 16: Số dư các khoản phải thu

Đơn vị: triệu đồng

	BCTC riêng			BCTC hợp nhất		
	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Phải thu khách hàng	95.039	103.424	122.896	100.968	108.993	129.986
Trả trước cho người bán	7.896	8.883	3.257	8.454	8.965	3.339
Phải thu khác	1.539	909	3.247	1.623	920	3.266
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(265)	(2.660)	(2.659)	(265)	(2.660)	(2.659)
Tổng cộng	104.209	110.556	126.741	110.780	116.218	133.932

Nguồn: BCTC riêng, hợp nhất đã được kiểm toán năm 2011, 2012 và BCTC riêng, hợp nhất năm 2013 - NSC

Khoản phải thu khách hàng của Công ty chủ yếu là hoạt động kinh doanh bán giống cho các đại lý tiêu thụ và người nông dân tại các tỉnh thành. Việc trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi được thực hiện theo quy định.

Bảng 17: Số dư các khoản phải trả

Đơn vị: triệu đồng

	BCTC riêng			BCTC hợp nhất		
	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Phải trả người bán	75.316	64.749	54.335	76.448	65.233	55.074
Người mua trả tiền trước	15.497	11.160	8.593	15.517	11.164	8.598
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.419	2.347	3.060	3.048	3.253	3.754
Phải trả người lao động	21.862	25.472	24.071	22.205	25.549	24.250
Chi phí phải trả	1.102	1.156	714	1.309	1.225	806
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16.550	4.701	5.120	16.614	4.737	5.216
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.403	9.925	14.513	8.444	9.947	14.540
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	-	35	-	-
Phải trả dài hạn khác	-	-	-	-	32	-
Doanh thu chưa thực hiện	-	-	-	195	112	48
Tổng cộng	141.149	119.510	110.406	143.815	121.252	112.286

Nguồn: BCTC riêng, hợp nhất đã được kiểm toán năm 2011, 2012 và BCTC riêng, hợp nhất năm 2013 - NSC

13.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 18: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	BCTC riêng			BCTC hợp nhất		
	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán						
Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,91	2,44	3,06	1,95	2,48	3,09
Hệ số thanh toán nhanh:	0,89	1,36	1,65	0,92	1,40	1,69
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn						
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,40	0,30	0,25	0,40	0,31	0,26
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,65	0,44	0,33	0,67	0,45	0,35
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động						
Vòng quay hàng tồn kho	2,60	2,46	2,46	2,64	2,49	2,51
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,42	0,93	1,39	1,46	1,45	1,44
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời						
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,13	0,15	0,17	0,13	0,14	0,16
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,30	0,33	0,32	0,30	0,32	0,33
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,19	0,22	0,24	0,19	0,21	0,23
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,14	0,15	0,17	0,13	0,14	0,16
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	7.537	8.052	9.774	7.331	7.737	9.518

14. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng**14.1. Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng**

Hội đồng quản trị	Ban Tổng Giám đốc – Kế toán trưởng	Ban Kiểm soát
Bà Trần Kim Liên	Bà Trần Kim Liên	Ông Cao Duy Hà
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Ông Nguyễn Hải Thọ	Ông Đỗ Tiến Sỹ
Ông Nguyễn Khắc Hải	Ông Phạm Ngọc Lý	Ông Nguyễn Khánh Quỳnh
Ông Phạm Ngọc Lý	Ông Đỗ Tiến Sỹ	
Ông Trần Đình Long	Ông Đỗ Bá Vọng	
Ông Đỗ Bá Vọng	Ông Phan Thế Tý – Kế toán trưởng	
Bà Nguyễn Thị Trà My		

14.2. Sơ yếu lý lịch

Họ và tên:	Trần Kim Liên
Giới tính:	Nữ
Năm sinh:	01/08/1958
CMND:	013245005 cấp ngày 11/11/2009 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	Số 8 ngõ 34 Phố Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Luật Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
1/1980 – 9/1982	Giáo viên Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
10/1982 - 4/1995	Trợ lý giám đốc Xí nghiệp Nông công nghiệp Đồng giao – Thị xã Tam Điệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
5/1995 – 6/1996	Trưởng phòng Kinh doanh, XN Nông công nghiệp Đồng Giao, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
7/1996 – 12/1996	Phó giám đốc XN Nông công nghiệp Đồng Giao , Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
1/1997 – 3/1998	Phó giám đốc Cty Thực phẩm XK Đồng Giao, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4/1998 – 12/2000	Phó giám đốc Cty Vật tư và XNK- Tổng công ty Rau quả Việt Nam
1/2001 – 12/2004	Phó giám đốc Công ty Giống cây trồng TW1, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
1/2004 đến nay	Tổng giám đốc, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Giống cây trồng TW
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành:	Tổng giám đốc, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Giống cây trồng TW
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Số cổ phần nắm giữ :	1.196.719 cổ phần (chiếm tỷ lệ 11,9% vốn điều lệ)
+ Đại diện sở hữu:	1.105.416 cổ phần cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước – Công ty TNHH 1 TV
+ Cá nhân sở hữu:	91.303 cổ phần
Các cam kết nắm giữ (nếu có)	Không có
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có):	Không có

Họ và tên:	Lê Lệ Hằng
Giới tính:	Nữ
Năm sinh:	04/12/1975
CMND:	012053005 cấp ngày 30/06/1997 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	Phòng 7 - Tầng 20 - E5 –Ciputra - Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ tài chính
Quá trình công tác:	
1999 - 2008	Chuyên viên Phân tích Tư vấn đầu tư tại W.P Stewart New York
07/2007 – 05/2010	Trợ lý Chủ tịch, Giám đốc khối Phân tích Tư vấn đầu tư CTCP Chứng khoán Sài Gòn
11/2011 – 04/2013	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú
06/2010 – nay	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI, Trợ lý Chủ tịch
03/2012 – nay	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung ương
03/2012 - nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An
03/2012 - nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh
04/2013 – nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành:	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung ương
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	- Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI, Trợ lý Chủ tịch - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung ương - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình
Số cổ phần nắm giữ :	1.616.172 cổ phần (chiếm tỷ lệ 16,11% vốn điều lệ)
+ Đại diện sở hữu:	1.616.172 cổ phần cho Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần
Các cam kết nắm giữ (nếu có)	Không có
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có):	Không có

Họ và tên: Nguyễn Khắc Hải

Giới tính: Nam

Năm sinh: 24/08/1978

Hộ chiếu: B3335506 ngày cấp 31/07/2009 do Cục Xuất nhập cảnh cấp

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Số 348, Nhà L3, TT Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Luật

Quá trình công tác:

2001 – 2004	Chuyên viên pháp chế, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
2007 – 2010	Giám đốc Luật & Quản lý Rủi ro, Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI
2010 – nay	Phó Tổng Giám đốc, Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung ương

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI

Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có) Không có

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có): Không có

Họ và tên: Phạm Ngọc Lý

Giới tính: Nam

Năm sinh: 17/12/1957

CMND: 011600404 cấp ngày 12/9/2003 tại Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: SN 73/12 Chùa Bộc , Đống Đa, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ tài chính – kế toán

Quá trình công tác:

03/1979 - 12/1980	Chuyên viên, Đoàn cải tiến quản lý tài chính- Bộ tài chính
01/1981 - 06/1985	Chuyên viên, Vụ Tài chính kế toán – Bộ Nông nghiệp

07/1985 - 09/1992 Kế toán trưởng, Xí nghiệp cung ứng vật tư và vận tải
 10/1992 - 12/2003 Cán bộ, Công ty giống cây trồng TW I.
 01/2004 – 02/2012 Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần giống cây trồng TW
 02/2012 - nay Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần giống cây trồng TW
 03/2013 – nay Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần giống cây trồng TW
 Các chức vụ công tác Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần giống cây
 hiện nay tại tổ chức phát trồng TW
 hành:
 Các chức vụ hiện đang Không có
 nắm giữ tại tổ chức khác:
 Số cổ phần nắm giữ : 30.820 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,31% vốn điều lệ)
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 + Cá nhân sở hữu: 30.820 cổ phần
 Các cam kết nắm giữ (nếu có) Không có
 Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu Không có
 của tổ chức phát hành:
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành Không có
 (nếu có):

Họ và tên: **Trần Đình Long**

Giới tính: Nam

Năm sinh: 02/10/1941

CMND: 011741068 cấp ngày 19/09/2006 tại Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Số 20, ngõ 283 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Khoa học

Quá trình công tác:

8/1967 - nay

Cán bộ giảng dạy tại các trường:

- Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội
- Trường đại học Nông nghiệp II Hà Bắc
- Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp VN

Nghiên cứu viên cao cấp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam – VASS

Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần giống cây trồng TW

04/2013 – nay

Thành viên HĐQT độc lập, Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình (PAN)

Các chức vụ công tác Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần giống cây trồng TW

hiện nay tại tổ chức phát hành:

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT độc lập, Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình (PAN)

Số cổ phần nắm giữ : 20.016 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,2% vốn điều lệ)

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 20.016 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có) Không có

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: Hoàng Tuyết Minh – vợ nắm giữ 20.032 cổ phần

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có): Không có

Họ và tên: **Đỗ Bá Vọng**

Giới tính: Nam

Năm sinh: 15/03/1954

CMND: 145425109 cấp ngày 6/10/2006 tại Hưng Yên

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Đông Kết, Khoái Châu, Hưng Yên

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nông học

Quá trình công tác:

11/1979-11/1984	Kỹ sư Viện cây lương thực và thực phẩm – Hải Dương
11/1984-03/1993	Kỹ sư Trại giống cây trồng TW Châu Giang- Hải Hưng
04/1993-12/1993	Phó giám đốc, Trại giống cây trồng TW Châu Giang- Hải Hưng
01/1994-08/1996	Giám đốc, Trại giống cây trồng TW Châu Giang- Hải Hưng
09/1996-08/1999	Giám đốc, Trại giống cây trồng TW Châu Giang- Hưng Yên
09/1999-06/2001	Giám đốc, Trại giống cây trồng TW Khoái Châu- Hưng Yên
07/2001-01/2004	Giám đốc, Trại giống cây trồng TW Đồng Văn- Duy Tiên – Hà Nam
02/2004-nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CP giống cây trồng TW

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần giống cây trồng TW

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ : 31.093 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,31% vốn điều lệ)

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 20.016 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có) Không có

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có): Không có

Họ và tên: Nguyễn Thị Trà My

Giới tính: Nữ

Năm sinh: 10/05/1970

CMND: 011816418 cấp ngày 20/09/2006 tại Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 154E, đường Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

1993 – 1995 Trợ lý Tổng Giám Đốc, International Business Advisor

1995-2012 Giám đốc tài chính kiêm Phó Tổng Giám Đốc, Biomin Việt Nam

2007 – nay Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc, Công ty Cổ Phần CSC Việt Nam

2012 – nay Cố vấn cao cấp, Biomin Việt Nam

03/2013 – nay Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung Ương

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung Ương

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc, Công ty Cổ Phần CSC Việt Nam

- Cố vấn cao cấp, Biomin Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có) Không có

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có): Không có

Họ và tên: **Nguyễn Hải Thọ**

Giới tính: Nam

Năm sinh: 19/09/1961

CMND: 111321028 cấp ngày 5/4/2008 tại Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Văn Phú, Thường Tín, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Kỹ sư nông nghiệp

Quá trình công tác:

1984 – 1996 Cán bộ chỉ đạo, trạm cây trồng TW Thường Tín

1996 – 2003 Trạm phó, Trạm cây trồng TW Thường Tín

2004 – 03/2007 Phó phòng TTKD, Chủ tịch công đoàn Văn phòng Công ty, Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương

04/2007 - 02/2012 Phó phòng TTKD, Chủ tịch công đoàn Văn phòng Công ty kiêm Trưởng ban Kiểm soát, Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương

02/2012 – nay Phó Tổng giám đốc, Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Phó Tổng giám đốc, Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ : 12.777 cổ phần (tỷ lệ 0,13% vốn điều lệ)

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 12.777 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có) Không có

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có): Không có

Họ và tên: **Đỗ Tiến Sỹ**

Giới tính: Nam
Năm sinh: 06/02/1960
CMND: 010450144 cấp ngày 17/01/2008 tại Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: 105A H5 Đông Tác, Kim Liên, Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
Quá trình công tác:
04/1982-05/2000 Cán bộ kế hoạch, Trại giống cây trồng TW Ba Vì
06/2000-07/2000 Phó giám đốc, Trại giống cây trồng TW Ba Vì
08/2000-03/2001 Phó phòng, Công ty giống cây trồng TW I
04/2001-12/2003 Trưởng phòng, Công ty giống cây trồng TW I
01/2004 – 09/2010 Trưởng phòng, Công ty cổ phần giống cây trồng TW
10/2010 – nay Giám đốc Kinh doanh Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung ương
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Giám đốc Kinh doanh Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung ương
hành:
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
Số cổ phần nắm giữ : 35.875 cổ phần (tỷ lệ 0,36% vốn điều lệ)
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
+ Cá nhân sở hữu: 35.875 cổ phần
Các cam kết nắm giữ (nếu có) Không có
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: Nguyễn Thị Nụ - Vợ sở hữu 34.875 cổ phần
Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có): Không có

Họ và tên: Phan Thế Tỷ
Giới tính: Nam
Năm sinh: 03/08/1972
CMND:
Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú:
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:

- Từ tháng 11/1993 đến tháng 3/2008 là nhân viên kiểm toán nội bộ Công ty bán hàng miễn thuế Hongkong (làm việc tại 33 và 55 Nam Ngự, Hà Nội; Cảng Đình Vũ Hải phòng và Cửa khẩu Lào Cai)
- Từ tháng 4/1998 đến 28/2/2009 là nhân viên phòng Tài chính kế toán Công ty giống cây trồng TWI và Công ty cổ phần giống cây trồng Trung Ương (kết toán vốn bằng tiền, kế toán hàng hóa, kết toán tổng hợp, kế toán công nợ và kế toán thuế).
- Từ tháng 3/2009 đến tháng 2/2010 Phó phòng Tài chính kế toán
- Từ tháng 3/2010 đến tháng 2/2011 Quyền Trưởng phòng Tài chính kế toán
- Từ tháng 3/2011 đến tháng 1/2012 Trưởng phòng Tài chính kế toán
- Từ tháng 2/2012 đến nay Kế toán trưởng

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Kế toán trưởng, Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung ương

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ : 10.652 cổ phần (tỷ lệ 0,11% vốn điều lệ)

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 10.652 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có) Không có

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có): Không có

Họ và tên: Cao Duy Hà

Giới tính: Nam

Năm sinh: 14/03/1984

CMND: 12344709 cấp ngày 26/5/2000 tại Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 35 BT2 Khu đô thị Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế,
Cử nhân Tài chính – Ngân hàng

Quá trình công tác:

2007 – 2008

Trợ giảng các môn Kinh tế lượng và Kinh tế vi mô, Đại học New South

2008 - nay Wales (Úc)
 Chuyên viên Ban Đầu tư, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
 Trưởng Ban kiểm soát, Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương
 Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Trưởng Ban kiểm soát, Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung ương
 Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chuyên viên Ban Đầu tư, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
 Số cổ phần nắm giữ : 1.105.416 cổ phần (tỷ lệ 11,02% vốn điều lệ)
 + Đại diện sở hữu: 1.105.416 cổ phần
 + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần
 Các cam kết nắm giữ (nếu có) Không có
 Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có): Không có

Họ và tên: Nguyễn Khánh Quỳnh
Giới tính: Nam
Năm sinh: 19/09/1979
CMND: 182248350 cấp ngày 15/03/2004 tại Nghệ An
Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: Tổ Hòa Bình, Xã Đình Xuyên, Gia Lâm, Hà nội
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:

2010 - nay Phó Giám đốc Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI
 2012 – nay Thành viên Ban kiểm soát, Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung Ương
 Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên Ban kiểm soát, Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung ương
 Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Giám đốc Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI
 Số cổ phần nắm giữ : 1.616.172 cổ phần (tỷ lệ 16,11% vốn điều lệ)
 + Đại diện sở hữu: 1.616.172 cổ phần cho Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI
 + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần



Các cam kết nắm giữ (nếu có)	Không có
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có):	Không có

15. Tài sản

Bảng 19: Cơ cấu tài sản cố định hữu hình của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

	BCTC riêng năm 2013			BCTC hợp nhất năm 2013		
	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa vật kiến trúc	45.377	15.165	30.212	49.970	19.581	30.389
Máy móc thiết bị	29.122	14.596	14.525	29.690	14.822	14.868
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	14.152	5.062	9.090	15.098	5.265	9.833
Thiết bị quản lý	665	502	164	666	502	164
Tài sản cố định khác	-	-	-	160	155	5
Tổng cộng	89.316	35.325	53.991	95.584	40.325	55.259

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2013 - NSC

Bảng 20: Cơ cấu tài sản cố định vô hình của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

	BCTC riêng năm 2013			BCTC hợp nhất năm 2013		
	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất	2.396	120	2.276	2.396	120	2.276
Bản quyền phát minh	6.600	3.138	3.462	6.600	3.138	3.462
Phần mềm máy tính	71	71	-	71	71	-
TSCĐ vô hình khác	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	9.067	3.329	5.738	9.067	3.329	5.738

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2013 - NSC

Bảng 21: Danh mục đất đai của Công ty

STT	Mặt bằng	Diện tích
1	Văn phòng Công ty	3.538 m ²
2	Xí nghiệp Giống cây trồng TW Đồng Văn, tỉnh Hà Nam	132.000 m ²
3	Xí nghiệp Giống cây trồng TW Ba Vì, tỉnh Hà Tây	510.286 m ²
4	Xí nghiệp Giống cây trồng TW Đình Tường, tỉnh Thanh Hoá	360.000 m ²
5	Trại Giống cây trồng TW Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	94.225 m ²
6	Chi nhánh Giống cây trồng TW Thái Bình, tỉnh Thái Bình	7.738 m ²
7	Chi nhánh Giống cây trồng TW Miền Trung, thành phố Vinh	4.200 m ²
8	Nhà máy Chế biến Giống Thường Tín	7.444 m ²

16. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

16.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty

Bảng 22: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014

STT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch 2014	% Tăng giảm so với năm 2013
1	Doanh thu	tỷ đồng	650	5,69%
2	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	115	17,35%
3	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	%	17,69	1,76%
4	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	75,41	45,41%
5	EPS	Đồng/CP	11.500	17,66%
6	Cổ tức bằng tiền mặt	%	30	0%

Nguồn: NSC

16.2. Căn cứ để đạt được chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

- Tập trung đầu tư cho công tác nghiên cứu phát triển (R&D), ứng dụng chuyển giao khoa học kỹ thuật trong công nghệ sinh học tạo giống để nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty nhằm tạo ra các dòng sản phẩm năng suất, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường.
- Đầu tư hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Tập trung thực hiện chiến lược đầu tư mua lại và hợp nhất các công ty hoạt động trong ngành giống và hợp tác kinh doanh trong chuỗi ngành giống.
- Tăng cường kiểm soát chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung ứng cho khách hàng.

17. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích đánh giá cần thiết hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động.

Kế hoạch kinh doanh của Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương có tính khả thi nếu các dự đoán của Công ty về thị trường là sát với thực tế và không có những biến động ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của doanh nghiệp nói chung và tiến độ của các kế hoạch đầu tư nói riêng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra với góc độ của một tổ chức tư vấn tài chính doanh nghiệp, dựa trên các thông tin chúng tôi đã thu thập và cách tính toán trên lý thuyết về lĩnh vực tài chính. Những nhận xét đánh giá của chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo của Công ty. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với các nhà đầu tư.

18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của doanh nghiệp

Không có



19. Các thông tin, các tranh chấp, kiện tụng, liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán

Không có

IV. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán: 5.275.389 cổ phiếu

Trong đó:

- Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 5.014.919 cổ phiếu
- Chào bán cho CBCNV: 260.470 cổ phiếu trong đó:
 - + Phát hành thêm cổ phiếu cho CBCNV: 250.243 cổ phiếu
 - + Bán cổ phiếu quỹ đã mua lại từ cổ phiếu ESOP năm 2009, 2010, 2011 của 4 cán bộ nghỉ việc năm 2013: 10.227 cổ phiếu

4. Giá chào bán dự kiến

- Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 65.000 đồng/cổ phiếu
- Chào bán cho CBCNV: 10.000 đồng/cổ phiếu

5. Phương pháp tính giá

5.1. Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu

- Giá trị sổ sách của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 30/09/2013 là 30.340 đồng/cổ phần
- Giá trị sổ sách của Công ty theo báo cáo tài chính riêng tại ngày 30/09/2013 là 31.080 đồng/cổ phần
- Giá trị thị trường giao dịch của cổ phiếu NSC bình quân 60 phiên gần nhất (từ ngày 04/09/2013 đến ngày 26/11/2013) là 77.475 đồng/cổ phần

Như vậy, giá chào bán được xác định không thấp hơn giá trị sổ sách của Công ty theo báo cáo tài chính gần nhất và được chiết khấu 16% so với giá trị cổ phiếu NSC đang được giao dịch trên thị trường.

5.2. Giá chào bán cho cán bộ công nhân viên

Được xác định bằng mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần nhằm mục tiêu:

- Tạo động lực cho cán bộ công nhân viên trong quá trình công tác trên cơ sở đánh giá mức độ đóng góp năng lực của bản thân vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua việc nhận được các lợi ích khác ngoài tiền lương và tiền thưởng
- Tạo sự gắn bó giữa trách nhiệm và quyền lợi của cán bộ công nhân viên với quá trình phát triển của Công ty.

6. Phương thức phân phối

6.1. Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu

- Đối với nhà đầu tư đã lưu ký chứng khoán: Cổ phiếu sẽ được phân phối thông qua các thành viên lưu ký nơi nhà đầu tư mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu.
- Đối với nhà đầu tư chưa lưu ký chứng khoán: Cổ phiếu sẽ được phân phối tại trụ sở chính Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương.

6.2. Cổ phiếu chào bán cho cán bộ công nhân viên

- Cán bộ công nhân viên sẽ được phân phối cổ phiếu trực tiếp tại Trụ sở chính Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương sau khi đăng ký mua và nộp tiền theo danh sách phân bổ chứng khoán đã được Hội đồng quản trị phê duyệt dựa trên kết quả đánh giá xếp loại lao động năm 2013 và Quy chế phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên năm 2014 đã được Hội đồng quản trị thông qua.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Trong năm 2014 và sau khi được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

8.1. Chào bán cho cổ đông hiện hữu

a. Nguyên tắc

- Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng theo tỷ lệ thực hiện quyền là 2:1 (cổ đông sở hữu 2 cổ phần được quyền mua thêm 1 cổ phiếu mới).
- Thời hạn đăng ký và nộp tiền mua cổ phần phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu theo quy định tối thiểu là 20 ngày. Do đó, Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phần sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.
- Cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng quyền mua 1 lần duy nhất cho các đối tượng khác trong thời gian đăng ký mua cổ phiếu đến 5 ngày làm việc trước ngày hết hạn đăng ký và nộp tiền mua cổ phần.
- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Đối với phương án chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền, số cổ phiếu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số lượng cổ phiếu nhỏ hơn một đơn vị sẽ không được thực hiện.
- Số lượng cổ phần dôi ra do làm tròn và số lượng cổ phần do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết sẽ được ủy quyền cho HĐQT phân phối cho các đối tượng khác do HĐQT lựa chọn theo giá không thấp hơn giá bán ban đầu cho cổ đông hiện hữu.

b. Thủ tục đăng ký, nộp tiền và chuyển giao cổ phiếu

Bước 1: Xác định danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu

Công ty sẽ xác định ngày chốt danh sách cổ đông và phối hợp với VSD để tổng hợp Danh sách cổ đông có quyền mua thêm cổ phiếu mới.

Bước 2: Thực hiện quyền mua cổ phiếu

- Công ty phối hợp cùng VSD phân bổ và thông báo quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông thông qua thành viên lưu ký. Các trường hợp cổ đông chưa lưu ký, Công ty có trách nhiệm thông báo phân bổ quyền trực tiếp đến từng cổ đông.
- Các cổ đông sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu mới phát hành theo tỷ lệ được mua đã quy định trong thời hạn được thông báo. Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền tại các thành viên lưu ký đó hoặc tại trụ sở Công ty trong trường hợp chưa lưu ký.
- Trong thời hạn đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu được thông báo, cổ đông sở hữu quyền mua được phép chuyển nhượng quyền nếu có yêu cầu, việc chuyển nhượng quyền kết thúc trước 05 ngày làm việc so với hạn cuối đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu được thông báo. Cổ đông tự tìm đối tác, trực tiếp thỏa thuận việc chuyển nhượng và được thực hiện tại thành viên lưu ký (trong trường hợp đã lưu ký) hoặc tại trụ sở công ty (trong trường hợp chưa lưu ký).

Bước 3: Kết thúc thực hiện quyền

- Kết thúc thời gian đăng ký và nộp tiền mua cổ phần, thành viên lưu ký lập Báo cáo tình hình thực hiện quyền mua chứng khoán tại thành viên lưu ký và Danh sách cổ đông thực hiện quyền (mua chứng khoán phát hành thêm) sau 1 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn thực hiện quyền.
- Đồng thời thành viên lưu ký chuyển ngay tiền thanh toán mua chứng khoán của người đầu tư vào tài khoản tiền gửi đăng ký mua chứng khoán của VSD tại ngân hàng chỉ định để VSD chuyển cho Công ty.

Bước 4: Phân phối chứng khoán

- VSD gửi Báo cáo phân bổ chứng khoán phát hành thêm đến các thành viên lưu ký.
- Thành viên lưu ký hạch toán số chứng khoán phát hành thêm vào tài khoản lưu ký chứng khoán chưa niêm yết. Khi cổ phiếu được thông báo chính thức niêm yết, số chứng khoán được hạch toán vào tài khoản lưu ký của nhà đầu tư.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký thì cổ phiếu được phân phối trực tiếp tại Trụ sở Công ty.

Bước 5: Tổng kết phát hành và đăng ký niêm yết bổ sung

- Kết thúc việc phân phối cổ phiếu, Công ty sẽ gửi báo cáo phát hành cho UBCKNN.
- Sau khi nhận được chấp thuận kết quả phát hành, Công ty sẽ tiến hành các thủ tục đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung đối với cổ phiếu phát hành.

8.2. Chào bán cho cán bộ công nhân viên

a. Nguyên tắc

- Theo quy chế phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên năm 2014.

Chi tiết danh sách phân bổ theo đề nghị của Ban Tổng giám đốc trên cơ sở kết quả đánh giá xếp loại CBCNV năm 2012, 2013 và được Hội đồng quản trị thông qua.

b. Thủ tục đăng ký, nộp tiền và chuyển giao cổ phiếu

- Công ty sẽ tiến hành đánh giá xếp loại lao động năm 2012, 2013 và lên danh sách cán bộ đủ tiêu chuẩn mua cổ phần phát hành thêm, số lượng cổ phiếu được quyền mua, dự kiến số tiền phải nộp, thời gian nộp đăng ký mua, thời gian nộp tiền và công bố cho toàn bộ CBCNV.

- Công ty sẽ tiến hành thu tiền bán cổ phần, yêu cầu người lao động ký xác nhận việc mua cổ phần và chuyển giao cổ phần cho cán bộ công nhân.

- Tổng kết chào bán: Trong thời gian 10 ngày làm việc sau khi đợt chào bán kết thúc, Công ty sẽ lập báo cáo kết quả chào bán gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tiến hành các thủ tục đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung đối với cổ phiếu phát hành theo quy định của pháp luật.

- Đối với trường hợp CBCNV được phát hành từ nguồn cổ phiếu quỹ do mua lại cổ phần ESOP năm 2009, 2010, 2011 của 4 cán bộ nhân viên nghỉ việc năm 2013, Công ty sẽ tiến hành thủ tục chuyển quyền sở hữu tại VSD.

9. Phương thức thực hiện quyền

Đây là trường hợp Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có tại Công ty và phát hành cho cán bộ công nhân viên của Công ty. Cổ đông sau khi nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu sẽ thực hiện quyền mua (chuyển nhượng quyền mua và đăng ký mua cổ phiếu) theo hướng dẫn mục V.6, V.7, và V.8 của Bản cáo bạch này.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Theo thống kê giao dịch khối ngoại của Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh thì hiện nay Công ty có tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài là 33,33% (tại ngày 14/01/2014).

Các pháp nhân và thể nhân nước ngoài có thể mua cổ phần của Công ty theo đúng quy định về tỷ lệ sở hữu của người nước ngoài trong một tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch. Cụ thể tỷ lệ nắm giữ tối đa là 49% tổng số cổ phiếu của Công ty theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 15 tháng 4 năm 2009.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 35/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 21/12/2013:

- Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu được tự do chuyển nhượng.
- Cổ phiếu phát hành cho cán bộ công nhân viên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 5 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.

12. Các loại thuế có liên quan

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty chịu mức thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất hiện hành là 25%.

Theo các quy định về miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ; theo giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ số 03/DNKHCN ngày 01/03/2011 của Sở Khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội cấp và theo Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty hiện đang được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với kết quả sản xuất, kinh doanh các loại sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ kể từ khi có thu nhập chịu thuế với điều kiện: doanh thu của sản phẩm hàng hóa hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ trong năm thứ nhất từ 30% tổng doanh thu trở lên, năm thứ hai từ 50% tổng doanh thu trở lên và năm thứ ba từ 70% tổng doanh thu.

- Thuế giá trị gia tăng: Công ty áp dụng mức thuế suất giá trị gia tăng 10% theo quy định tại Luật Thuế giá trị gia tăng.

- Thuế môn bài: Công ty chịu mức thuế môn bài bậc 1 theo căn cứ trên mức vốn điều lệ đăng ký là 100.298.380.000 đồng

- Thuế chuyển nhượng chứng khoán: Nhà đầu tư phải nộp thuế chuyển nhượng chứng khoán dưới một trong hai hình thức:

- + 20% trên thu nhập tính thuế
- + 0,1% giá chuyển nhượng

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

- Chủ tài khoản: CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG
- Số tài khoản phong tỏa: 102010001912443
- Tại ngân hàng: NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CN HOÀNG MAI

V. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Thực hiện chiến lược phát triển công ty giai đoạn 2013 - 2016 bao gồm:

- Tập trung đầu tư cho công tác nghiên cứu phát triển (R&D), ứng dụng chuyển giao khoa học kỹ thuật trong công nghệ sinh học tạo giống để nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty nhằm tạo ra các dòng sản phẩm năng suất, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu toàn cầu. Mục tiêu đến năm 2016 đưa các sản phẩm độc quyền chiếm 70% doanh thu.
- Đầu tư hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật để thực hiện công nghiệp hóa và tự động hóa ngành giống nâng cao chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn của các nước trong khu vực và quốc tế.
- Nâng cao năng lực tài chính của công ty tiếp tục thực hiện chiến lược đầu tư mua lại và hợp nhất các công ty hoạt động trong ngành giống và hợp tác kinh doanh trong chuỗi ngành giống. Tiêu chí đầu tư: Các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh ổn định hiệu quả, tình hình kinh doanh tốt, các chỉ số cơ bản tốt và đặc biệt là các công ty có cơ sở vật chất và quỹ đất lớn.

2. Phương án khả thi

Tổng nguồn vốn dự kiến huy động từ cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên là khoảng 328 tỷ đồng sẽ được sử dụng như sau:

- Đầu tư nâng tỷ lệ sở hữu tại các công ty mục tiêu cùng ngành giống cây trồng tại một số tỉnh thành lên trên 51% vốn điều lệ (thành công ty con) và nâng tỷ lệ sở hữu tại các công ty mục tiêu có cùng chuỗi giá trị sản xuất lên trên 25% vốn điều lệ (thành công ty liên kết): Dự kiến 300 tỷ đồng.
- Đầu tư, xây dựng hạ tầng và mua sắm trang thiết bị, phương tiện vận tải: Dự kiến 28 tỷ đồng

Hiệu quả đầu tư dự kiến:

- Tăng thị phần của công ty đến năm 2016 thị phần công ty chiếm 25% thị phần ngành giống cây trồng.
- Nâng vị thế số 1 của NSC về giống lúa thuần, giống ngô thực phẩm trên cả nước, nâng vị thế công ty lớn nhất Việt Nam trong thị trường ngô tẻ và giống rau đậu.
- Tổng doanh thu hợp nhất 2016 NSC và các công ty mục tiêu khoảng 2,000 tỷ đồng, trong đó riêng NSC là 1,100 tỷ. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất 2016 đạt 290 tỷ, riêng NSC là: 185 tỷ. EPS 2016 đạt 19.000 đồng.

VI. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổng nguồn vốn dự kiến huy động từ cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên là khoảng 328 tỷ đồng sẽ được sử dụng như sau:

- Đầu tư nâng tỷ lệ sở hữu tại các công ty mục tiêu cùng ngành giống cây trồng tại một số tỉnh thành lên trên 51% vốn điều lệ (thành công ty con) và nâng tỷ lệ sở hữu tại các công ty mục tiêu có cùng chuỗi giá trị sản xuất lên trên 25% vốn điều lệ (thành công ty liên kết): Dự kiến 300 tỷ đồng.
- Đầu tư, xây dựng hạ tầng và mua sắm trang thiết bị, phương tiện vận tải: Dự kiến 28 tỷ đồng

VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức tư vấn chào bán

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Trụ sở chính: 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3556 2875 Fax: (84.4) 3556 2874

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Trụ sở: Tầng 12A, tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6288 3568 Fax: (84-4) 6288 5678

VIII. PHỤ LỤC

Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty

Phụ lục III: Bản sao hợp lệ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2011, 2012 và báo cáo tài chính soát xét 6 tháng năm 2013, Báo cáo tài chính năm 2013

Phụ lục IV: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 35/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 21/12/2013 và Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ đăng ký chào bán

Phụ lục V: Các tài liệu khác

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG



CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Kim Liên

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Phan Thế Tỷ

Cao Duy Hà

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM



▫ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Chợ Phùng